Năm thứ hai — Số 51
Tuần - lễ từ thứ tư 17
đến thứ ba 23 Juin 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

Trong số này :

Victor Tardieu tiên-sinh với trường Mỹ-thuật — *Hoa-Bằng*
Tra nghĩa chữ nho (V) — *Nguyễn-văn-Tố*
Quan thượng Nguyễn Gia-Phan với vua Gia-Long — *Trúc-Khê*
Những ông nghè triều Lê (XXIV) — *Ứng-Hòe*
Tri-Tân « cùng Mụ » — *Phạm Minh-Phan*
Khói trầm quyện lẫn hương sen — *Trịnh-Vân*
Xứ Algérie — *Nhật-Nham*
Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (XXVIII) — *Ứng-Hòe*
Tây, Nam đắc bằng (II) — *Nguyễn-Triện*
« Thì khuyên cháu hãng gượm nghe ai... » (chuyện thơ) — *K. H.*
Một lối thử tài học trò nho xưa — *Chu-Thiên*

Có ảnh

HỌA-SƯ VICTOR TARDIEU

GIÁ BÁO
Mỗi số 16 xu
1 năm 6p80
6 tháng 3. 50
3 — 1. 80
Công sở giá gấp đôi

Nhân ngày kỷ-niệm ngũ chu niên một họa-sư Pháp

VICTOR TARDIEU TIÊN-SINH VỚI TRƯỜNG MỸ-THUẬT HÀ-NỘI

HOA-BẰNG

TRONG bài «Lịch trình nghề ấn loát Việt nam» (T. T. số 49, trang 2,3,4,21), tôi có viết : «Trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Hà-nội đã có ảnh hưởng lớn đến nghề ấn-loát ở xứ này...» Phải, chẳng những riêng đối với nghề ấn-loát, mà nói rộng ra, trường ấy còn có công lớn trong cuộc cải tạo mỹ-thuật việt-nam nữa.

Nay nhân ngày kỷ-niệm ngũ chu niệm Victor Tardieu tiên-sinh mà anh em trong trường Mỹ-thuật bấy nay vẫn kêu bằng một danh hiệu rất đông phương, rất thân mật là «cụ Tạc», tôi tưởng nên nói kỹ hơn về trường Mỹ-thuật này, cái lò từng đào tạo được nhiều tay nghệ - thuật tài - hoa đã góp công vào cuộc tiến hóa chung của đất nước.

Trước khi nói đến lịch-sử và ảnh hưởng của trường Mỹ-thuật Đông-dương (École des Beaux-arts de l'Indochine), tưởng nên nhắc qua thân-thế và sự nghiệp của họa sư Victor Tardieu, một nhà nghệ sĩ chân tài có quan hệ mật thiết đến trang lịch-sử văn hóa cận-đại Việt nam, mà bữa 14 juin 1942, mỹ-thuật giới và tri-thức giới ở đây đã làm lễ kỷ niệm giữa một buổi sáng sậm-sụt sa mưa, cỏ cây mừng được nhuần tưới trong cơn êm-đềm mát mẻ. (Xin coi thêm bài tường thuật của họa sĩ Trịnh Vân ở trang 16).

Sinh năm 1867, mất năm 1937, họa sư Victor Tardieu là người đầu tiên đặt hòn đá góc nhà để

Ảnh Victor Tardieu tiên-sinh
(Cliché « Tin Mới »)

xây-dựng cho xứ này một cái lâu-đài Mỹ-thuật tráng lệ nguy-nga.

Chính tiên sinh đã «đẻ» ra trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông dương, rồi do trường này đào tạo, nhiều tay thanh-niên Việt-nam được thành tài về mọi phương diện như hội họa, điêu khắc và kiến trúc, đã có tên tuổi trong mỹ thuật giới Đông Tây, đã làm quảng cáo cho non sông đất nước.

Trải bao nhiêu bước bôn tẩu khó khăn, tiên sinh mới vận động được việc lập ở Hà nội một trường Mỹ-thuật. Sau khi nó đã khai sinh, tiên sinh lại phải tốn bao tâm lực mới duy trì cho nó đứng vững được đến ngày nay.

Có lần, ở Kinh tế đại-hội-nghị (Grand conseil économique), người ta cho rằng trường Mỹ-thuật chỉ làm tốn tiền của ngân-sách, chứ chẳng mang lại cho chính-phủ một ích lợi gì. Rồi người ta yêu-cầu đóng cửa trường lại. Người ta muốn cho mấy thanh niên đang theo đuổi nghề-thuật kia quay về làm ruộng, tập lấy cái nghề sinh sản thóc lúa, khỏi phải chạy rông trong khi hết gạo còn hơn.

Nhưng, với nghị lực, với kiên nhẫn, với tinh thần hi-sinh vì nghệ thuật, tiên sinh không rủn chí, không ngã lòng, cứ tranh-đấu, cứ chống lại hết thảy trở-lực. Rồi nhờ sức tiên-sinh vận-động với các nhà cầm quyền, trường Mỹ-thuật lại được người ta nhìn bằng con mắt thiện cảm. Còn về phần nhà trường, tiên-sinh cứ gắng sức làm việc để cho càng ngày càng tấn-tới hơn..

Có khi đau-yếu vì làm việc quá độ, tiên sinh buộc phải vào nằm nhà thương, nhưng không bao lâu, tiên sinh lại muốn gượng bịnh, quay về nhà trường để cứ tiến hành mọi việc và dìu dắt môn đồ, dù thế nào thì thế.

Đối với các học sinh trong trường, tiên-sinh xử rất ân cần, chu-tri, khiến những người đã thụ nghiệp nơi tiên sinh có cái cảm-tưởng như được sống trong bầu không-khí gia đình êm đềm, thân mật, yêu thương. Chẳng những vậy, tiên sinh lại cương quyết bênh vực họ nếu một khi quyền lợi họ bị ai xâm phạm.

Trong khi ngồi ghế giám - đốc nhà trường, tiên-sinh năm nào cũng săn-sóc trông - coi hết thảy những yếu-điểm rất khó trong chương-trình học từ niên khóa thứ nhất đến niên-khóa thứ năm.

Không màu-mỡ, không xa-hoa, không kiểu-cách, tiên - sinh cặm-cụi cần-cù lần bước trên đường nghệ-thuật với một cuộc đời sinh-hoạt theo lối dễ-dãi, đơn sơ. Hằng ngày, người ta thường thấy ánh đèn ở phòng làm việc báo hiệu tiên-sinh thức khuya dậy sớm.

Để bênh-vực và dẫn-đạo cho các học-sinh đã tốt - nghiệp được dễ-dàng trong đường đời, để giúp các nghệ sĩ có cái cơ - quan trình - bày tác-phẩm, và để hấp-dẫn các nhà công-nghệ được gần-gụi nghệ-thuật tiện bề thâu thái kiểu-mẫu và nâng cao nghề mình, tiên-sinh sáng lập ở đây một hội khuyến-khích về mỹ-thuật và kỹ-nghệ, tức là «Việt-nam mỹ-thuật kỹ-nghệ hội» mà hiện nay ông Charles Lacollonge đương đứng lãnh-đạo đấy

Trải hơn 15 năm gánh cái thiên-chức thiêng-liêng đối với nhà trường, đối với học - trò, tiên-sinh đã làm phu được tấm lòng ủy thác của chính - phủ Pháp và phỉ được thâm ý kỳ-vọng của giới nghệ-thuật ở xứ này.

Khoảng năm 1936, tiên sinh gặp ông Lê Văn-Đệ ở Paris. Tiên sinh, trong khi nói chuyện, tỏ ý phó thác trường Mỹ thuật vào tay mấy bạn thanh niên việt-nam ta đầu tiên được nhờ giáo dục của trường ấy mà thành tài.

Phải, tiên tri giác hậu tri, tiên giác giác hậu giác : đó là bổn phận của những ai đã được tầm gội ân trạch giáo dục về phương diện mỹ thuật tất phải lần hồi đem cái sở học mà chỉ dẫn lớp hậu tiến, khiến cho bước tiến triển của nhà trường mỗi ngày một rộng hơn, to hơn và cao hơn, rồi do đó tiền trình của nền mỹ thuật Việt nam mới mong có một tương lai thật tốt - tươi rực rỡ

Victor Tardieu tiên sinh dần dần liệt sức vì quá nỗ lực, cái nỗ lực có hạn của người đời !

Rồi qua ngày 12 juin 1937, tiên sinh, xa gia đình, vắng vợ con, vĩnh biệt các anh em trường Mỹ-thuật sau mấy bữa nằm trên giường bịnh ở nhà thương Saint Paul, gieo một cái tang chung trong nghệ thuật giới Nam-việt.

Tới nay, người ta, trong thâm-tâm, vẫn đinh ninh nhớ rằng, đến phút cuối-cùng, tiên sinh hãy còn nhắc-nhỏm suy-nghĩ đến trường Mỹ-thuật Đông-dương mà chính tay tiên-sinh đã sáng - lập bằng cái tinh-thần «cúc cung tận tụy».

∴

Hột thóc giống tuy chết đi, nhưng do nó lại nảy ra cây mạ xanh tươi rồi thành cây lúa gió bông kết gié. Cái hi-sinh của hột thóc giống thật có ích-lợi cho tương lai.

Họa sư Victor Tardieu mất đi, nhưng trường Mỹ thuật, con đẻ tinh-thần của tiên-sinh, còn sống đời đời. Như vậy tiên-sinh vẫn là bất hủ.

Trường Mỹ thuật Đông-dương được lập tại Hà nội từ đầu mùa đông năm 1925 (1).

Ban đầu nó là một cái xưởng bỏ không của sở Xe lửa ở Phố Reinach, sau được sửa lại làm thành một nơi tụ - tập các hoa tay và trình-bày các tác-phẩm về mỹ thuật, rồi từ đó được mang cái danh hiệu tốt đẹp : Trường Cao-đẳng Mỹ thuật Đông dương.

« Tôn-chỉ của trường là dung-hợp tự - nhiên với truyền-thống, khiến học sinh phải quan - sát và biểu-diễn tự - nhiên theo những nguyên tắc mỹ học phổ thông của loài người và phát xiển những tinh thần đặc biệt của nghệ thuật việt nam và đông phương, khiến học sinh lãnh hội lấy cái đẹp của nghệ thuật xưa và hiểu rằng nó vốn có quan hệ mật thiết với mình...» (2)

Trong trường chia làm ba ban: Hội họa, điêu khắc và kiến trúc, đều chịu dẫn đạo dưới quyền chi-phối của họa sư V. Tardieu. Ban hội họa thành lập trước, rồi dần dần đến hai ban kia sau.

Ban đầu, như trên đã nói, trường này bị người ta hắt-hủi, ăm le những toan đóng cửa, nhưng từ sau cuộc triển lãm lần thứ nhất bày các tác phẩm của học sinh trong trường để công-chúng vào xem, người ta phải ngạc nhiên trước những thành tích rất rực rỡ. Một nhà cầm quyền ở đây đã phải khen ngợi trước khi ra khỏi phòng triển lãm: « Mỹ thuật này rất đáng khuyến khích... »

Cuộc triển lãm đầu tiên ấy đem lại cho nhà trường những ảnh hưởng rất sâu xa và kết quả rất tốt đẹp: dư luận các giới phải chú ý đến; những kẻ phản động phải hạ khí giới « cừu địch »; bạn hữu ủng-hộ mỗi ngày một nhiều...

Dự cuộc đấu xảo thuộc địa năm 1931, các tác phẩm của trường Mỹ thuật Đông dương làm cho hết thảy báo chí ở Paris đều phải lớn tiếng khen tặng; người bên chính quốc phải nhìn các nghệ sĩ việt nam bằng cặp mắt khác thường. Đó là khởi-điểm của nhà trường nhẹ bước trên đường vinh-quang.

Rồi do cái đà ấy, trường Mỹ-thuật cứ lần lượt nhận được vòng hoa thưởng tưởng do mọi nơi trao tặng: năm 1932, ở Rome (Ý); năm 1934 ở kỳ đấu-xảo quốc-tế tại Milan (Ý); năm 1934, ở cuộc triển-lãm thuộc-địa tại Naples (Ý); năm 1935, ở Bruxelles (Bỉ); năm 1937, ở San-francisco (Mỹ) và cùng năm ấy ở cuộc triển-lãm tại Paris (1937).

Từ đó, trường Mỹ-thuật, đối với xứ-sở, đã có một lực-lượng khá mạnh; đối với nền văn-hóa việt-nam, đã tỏa ra rất nhiều ảnh-hưởng, ảnh-hưởng đến mọi phương-diện như xã-hội sinh-hoạt, tri-thức sinh-hoạt và kinh-tế sinh-hoạt ở xứ ta.

∴

Nếu để ý quan-sát những sự vật ở quanh ta đã thay đổi biến-thiên theo hoàn-cảnh và thời-gian, ta rất dễ nhận thấy trường Mỹ-thuật đã đánh dấu cái trình tự tiến hóa của nền nghệ thuật bằng những nét rất quan trọng trên trang lịch-sử văn-hóa nam-việt;

Từ những tấm tranh tết « con cóc dạy học », « đám cưới chú chuột »..., ta đã bước sang lối hội họa có phương pháp, có viễn vọng, có mau sắc hòa hợp nhau, gây được hứng thú về mặt thẩm mỹ. Những tấm tranh lụa, tranh sơn của những ngọn bút nổi danh bày trong các phòng Triển-lãm bấy nay đã lam chứng một cách rõ rệt như thế.

Về nhà cửa, những nếp nhà cổ hoặc cổ diêm thấp xè, hoặc kèo cột lủng củng dần dần nhường chỗ cho những ngôi nhà tân thời ba, bốn từng đồ sộ nguy nga do các kiến trúc sư vẽ kiểu.

Về phục sức, dựa theo những kiểu thời trang do một vài họa sĩ thả ra, các bạn gái đua nhau cải cách ăn mặc, may sắm những bộ áo tân thời. Nhưng vì quan-niệm hiểu sai hai chữ « mỹ thuật » và lạm dụng cái nghĩa « tân thời », nên lắm khi sự ăn mặc quá khêu gợi, quá lố lăng lại làm mang tiếng cả những người đã có sáng-kiến cải cách về y phục. Dầu sao, đó cũng là những dấu hiệu bề ngoài để ghi một bước tiến hóa về phần hình thức của một dân-tộc.

Ngoài đó ra, những phương diện khác như nghề dệt lụa ở Hà-đông, nghề thêu, nghề lam đăng ten, nghề sơn, nghề đắp nặn, nghề in, nghề chạm-trổ, nghề làm đồ gỗ... đều có chịu ảnh hưởng của trường Mỹ-thuật chẳng ít thì nhiều...

Nói tóm, trường Mỹ-thuật đã góp công lớn vào cuộc tiến hóa chung ở xứ này. Suy nguyên công ấy, người ta, hằng năm, không quên đặt cái vòng hoa trước pho tượng bán thân V. Tardieu tiên sinh, mỗi lần gặp ngày kỷ niệm nhà nghệ-sĩ chân tài ấy.

HOA-BẰNG

---

1) Trong « Việt-nam văn-hóa sử cương » của Đào Duy-Anh, trang 207, nói là « Từ năm 1924 », nhưng thực ra, trong năm 1924 mới là thời-kỳ cổ-động; còn trường Mỹ-thuật thì mãi đến mùa đông năm 1925 mới lập.

2) Đào Duy-Anh: « Việt-nam văn-hóa sử cương » trang 207-208, Quan hải tùng-thư, Huế, xuất bản, nhà in Mirador in, 1938.

3) Để viết bài này, ngoài những sách báo dùng để kê-cứu của tôi và tài-liệu do họa sĩ Trịnh-Vân kiếm giúp, tôi còn tham khảo bài diễn-văn của họa-sĩ Lê Văn-Đệ đọc tại phòng Thương-mại bữa 14 Juin 1942. Lại được bạn Bạch-Diện ở báo « Tin Mới » cho mượn cái cliché ảnh « cụ Tạc ». Xin thành-thật cảm-tạ các bạn.

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, phố hàng Bông Hanoi

Đã có bán

Mẹo chữ Hán

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0$35 cước 0$06

Gửi bằng tem (cò) cũng được. Không gửi lối lĩnh hóa giao ngân

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 5

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Ở trang 59 quyển *Tầm nguyên từ-điển*, dưới chữ *chay*, nên chua rằng chữ *trai* có hai nghĩa : một là trong-sạch (tức là *trai* và kính-cẩn (tức là *giới*) Người đời xưa trước khi tế-tự phải trai - giới : tắm gội thay áo, không uống rượu, không ăn *tỏi*, nghĩa là một lòng một dạ (sở dĩ nhất kỳ tâm chí) để tiếp thần-minh. Kinh *Lễ* chép : «Trước khi ăn chay, phòng tà-vật, ngăn ham-muốn, tai không nghe nhạc, lòng không nghĩ bậy, chân tay không làm việc cẩu-thả, chăm chú cái đức hạnh tinh - minh : như thế mới có thể giao-tiếp với thần-minh.

Chữ trai - giới còn một nghĩa nữa, là sửa mình, xét mình (tu - tỉnh diệc vị chi trai-giới). Cơm nhà sư cũng có khi gọi là *trai tăng* Còn *trai - đàn* là nơi tế giời (tế thiên chi sở) : nay chỗ tăng-đạo thiết - lập để tụng kinh triều lễ cũng gọi là trai-đàn (chép theo *Từ-nguyên*).

Ở trang 59, dưới chữ *cháy thành vạ lây*, nên chua rằng theo quyển *Quảng-vận* (ở chữ *Trì*, vận thượng bình, tờ 21 a) đời Hán có họ Trì tên Trọng-Ngư ; cửa thành phát hỏa, Trọng-Ngư chết cháy, cho nên có câu : « Thành môn thất hỏa, ương cập Trì-Ngư », ý nói không có duyên-cớ mà chịu vạ lây (dụ vô đoan nhi thụ họa dã, chữ *Từ - nguyên*.) Có người lại nói « Thành môn thất hỏa, họa cập trì-ngư», cửa thành bị cháy, vạ lây đến cá dưới ao ; ao đây là hào dưới chân thành.

Ở trang 60, nên bắt-chước *Từ-nguyên* cắt nghĩa *châm* là rót thêm vào (chậm thủ dã,) *chước* là rót ra (chước hành dã) ; lấy điều phải mà làm cũng gọi là *chước* (thủ thiện nhi hành viết chước: chữ *Từ-nguyên*). *Việt-nam tự-điển* cũng giảng *châm - chước* «nghĩa đen là rót đi rót lại mời nhau (ít dùng), nghĩa bóng là thêm bớt cho vừa».

Ở trang 61, dưới chữ *chỉ huy*, ông Lê văn Hòe viết nhầm *huy* là vẫy tay, phải chữa *huy* là cờ : hai chữ viết khác nhau.

Cũng ở trang 61, dưới chữ *chim cá*, nên thêm chữ *ngư - nhạn*, nghĩa là thơ-từ tin-tức. *Từ nguyên* dẫn sách *Di bạch trai thi thoại* như sau này : « Cổ - thi có câu : Khách từ phương xa lại, cho ta đôi cá chép, gọi trẻ mổ cá chép, trong có bức thư xích tố. Trong bụng cá làm sao có thư ? là người đời xưa nói ví việc ẩn-mật đó...» Cho nên có chữ *ngư-thư* là thư-trát. Còn chữ *nhạn-túc*, thì *Hán-thư* chép rằng : « Đời Hán, Tô-Vũ đi sứ Hung - nô, không chịu khuất-nhục. Hung-nô đưa Tô-Vũ đến ở Bắc - hải chăn dê... Sau Hung-nô cùng Hán, hai nước giảng hòa. Nhà Hán đòi Tô-Vũ, Hung nô nói dối là Tô-Vũ chết rồi. Thường Huệ sai Hán-sứ bảo vua Hung nô rằng: «Đứng Thiên tử nhà Hán bắn trong rừng được chim nhạn, chân chim nhạn có bức thư bằng lụa, trong thư nói Tô-Vũ ở trong một cái chầm nào đó...» Hán-sứ theo lời Huệ trách vua Hung nô, Vua Hung-nô ngó tả hữu rật mình, xin tạ lỗi với Hán-sứ và nói rằng : bọn Tô-Vũ thực ở đây...» *Từ - nguyên* chua rằng : « Người đời sau nói thư tín phần nhiều dùng việc ấy ». Thơ ta có câu : « Bóng chim tăm cá, biết đâu mà nhìn ?» (Kiều) và câu : « Tịt mù tăm cá bóng chim mấy trùng » (*Hoa tiên*).

Ở trang 62, dưới chữ *chim xanh*, ông Lê văn Hòe quên chữ *thanh-điểu*. Quyển *Sử ký* Tư-mã Tương Như chép : « May có chim ba chân để sai khiến », và chua nghĩa : « chim ba chân là chim xanh, chủ về việc lấy thức ăn cho Tây-vương-mẫu ». Cho nên người đời sau nói về việc đưa tin - tức, phần nhiều dùng chữ chim xanh (chép theo *Từ-nguyên*). Ông Lê văn Hòe chép chuyện Hán Vũ-đế, Tây-vương-mẫu và Đông phương Sóc, nhưng xét ra không đúng với *Hán Vũ cố sự* in trong *Việt-nhã-đường tùng-thư*, quyển 8, *Tục-Đàm trợ*, quyển ba, tờ 31a, nên tôi chép lại ra đây : « Mồng bảy tháng bảy (không chép năm) Hán Vũ đế ăn chay ở điện Quang hoa. Chính giữa trưa, chợt có chim xanh từ phương Tây lại. Vũ đế hỏi Đông phương-Sóc. Đông-phương-Sóc thưa rằng : « Tối nay Tây-vương-mẫu ắt xuống ». Vũ-đế bèn mắc màn thờ, đốt hương bối-mạt, hương này do nước Đâu-cừ đem dâng, hương như hạt đậu lớn, bôi ở trong cung, mùi thơm bay ra trăm dặm. Đêm ấy vào hồi bảy khắc, phương Tây không có mây, nghe hình như có tiếng sấm, mà giời lại ánh sắc tía. Được giây phút Vương-mẫu cưỡi tử-xa, ngọc-nữ hầu bên cạnh, đi trên mây, có hai chim xanh đi

Thống-chế PÉTAIN đã nói:

« Các người phải hành động mà khôi-phục tất cả lực-lượng của nước nhà, để khi lâm thời, Đại-Pháp có thể làm tròn công-cuộc soi đuốc văn - minh giữa một châu Âu đã hòa-hảo với nhau »

giáp bên cạnh Vương-mẫu. Vương-mẫu xuống xe. Vũ-đế đón lạy, mời Vương-mẫu ngồi, xin thuốc « bất-tử ». Vương-mẫu nói : « Nhà vua trệ tinh chưa bỏ, dục-tâm còn nhiều, thuốc bất-tử chưa thể cho được ». Nhân lấy ra bảy quả đào, Vương-mẫu ăn hai quả, cho nhà vua năm quả... Ở mãi đến canh năm, bàn luận việc đời, nhưng không chịu nói đến việc quỉ-thần, rồi vụt nhiên đi mất. Đông-phương-Sóc ở trong cửa sổ Chu-điểu ròm Vương-mẫu. Vương-mẫu nói : « Thằng này tự làm ra tội-lỗi, bị đầy đã lâu, không được về giời ; nhưng nguyên lòng không ác, rồi sẽ được về giời. Nhà vua nên đối-đãi cho khéo ! . . . » Về việc trộm đào mà ông Lê văn-Hòe đổ cho Đông phương-Sóc, bộ *Cổ kim tuyết-hải* (Thuyết toản giáp tập, *Hán-Vũ cố-sự*, quyển 1, tờ 8 a) chép như sau này : « Đông-quận đưa một người lùn năm tấc, áo mũ đủ cả : Vũ-đế nghi là yêu-tinh, vời Đông phương-Sóc đến. Sóc hỏi người lùn ấy rằng : « Cự-linh, a-mẫu đã về chưa ? » Người lùn không giả nhời. Đông phương-Sóc chỏ vào người lùn ấy bảo Vũ-đế rằng : « Vương-mẫu giồng đào, ba nghìn năm một lần kết quả : thằng này bất-lương đã ba lần ăn trộm, phạm ý Vương-mẫu, nên bị đầy lại đây ». Vũ-đế giật mình, mới biết Đông phương-Sóc không phải là người trần-gian. Người lùn bảo Vũ-đế rằng Vương-mẫu khiến người lại bảo nhà vua cái phép cầu đạo, duy có thanh-tĩnh, không nên vội-vàng. Vũ-đế càng giận, vời Đông phương-Sóc hỏi về đạo... » Đạo ấy là đạo tiên, nhiều nhà khảo-cổ đã kê-cứu đến : độc-giả muốn biết rõ xin xem quyển *Mythologie asiatique illustrée* (Paris, Librairie de France), ở trong 360-362 có chuyện Tây-vương-mẫu, tiếng quan-thoại đọc là Si-wang-mou.

Ở trang 66, dưới chữ *da thuộc*, ông Lê văn Hòe nói « da sống chưa thuộc chữ Tàu gọi là *cách*... *Cách* lại có nghĩa là bỏ ». Nên chữa là « đổi và bỏ », *Từ-nguyên* cắt nghĩa là « cải dã, khư-trừ chi dã ». Ông Lê văn-Hòe giảng chữ *mã cách khỏa thi* là « bọc thây trong da ngựa : nói chiến-sĩ tử-trận » Nên theo *Từ-nguyên* chép là « cố sức đánh trận mà chết » Sách *Hậu-Hán thư* ở chỗ *Mã-Viện truyện* dẫn câu này của Mã-Viện : « Người đại-trượng-phu nên chết ở chỗ chiến-trường, lấy da ngựa bọc thây ». Đại-trượng-phu đương tử ư cương-trường, dĩ mã cách khỏa thi nhĩ ».

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

KHÓI TRẦM QUỆN LẪN HƯƠNG SEN..

Lễ kỷ niệm nhà Họa-sư Victor Tardieu năm nay

Cũng như mọi năm, năm nay, chủ-nhật 14 Juin 1942, tại gian khánh-tiết phòng Thương-mại, lễ kỷ-niệm lần thứ năm cụ V. Tardieu họa-sư đã cử-hành một cách trọng-thể.

Giữa những tác-phẩm do các môn-sinh của cụ trưng-bày, trên một bó hoa sen thơm tươi và một lư trầm khói tỏa, bức tượng bán thân của họa sư V. Tardieu đã khiến mọi người ngưỡng-mộ thương tiếc.

Hầu hết các nghệ-sĩ có mặt ở Hà-nội đều đến chiêm-bái trong một bầu không-khí thân-mật và cảm-động.

Mặc dầu giời vẫn tầm-tã mưa, một số đông khách-hữu hâm-mộ tài nghệ, tỏ lòng nhớ thương, cũng đến dự lễ.

Ông Charles Lacollonge, hội-trưởng Việt-nam mỹ-thuật kỹ-nghệ hội, thay mặt các giới, đón tiếp quan khách.

Chúng tôi nhận thấy có : Quan Thống-sứ hàm Donguet, cụ Võ-hiển Hoàng-Trọng-Phu, quan cai trị Deligne thay mặt quan Đốc-lý, ông Cœdès chánh giám-đốc trường Viễn-đông Bác-cổ, ông bà Valette thanh-tra cai-trị hồi-hưu, giáo-sư Lebas, ông Goulonbew và ông Bezacier nhân-viên trường Bác-cổ, ông Roger giáo-sư ban kiến-trúc trường Cao-đẳng Mỹ-thuật và nhiều quan khách khác.

Đúng mười giờ, trong khi mọi người đứng trang-nghiêm giữ lễ, ông Lacollonge cất lời nhắc lại thân-thế và sự-nghiệp của Victor Tardieu tiên-sinh, người đã có công cải tạo nền Mỹ-thuật Nam-việt.

Sau đó hoa-sĩ Lê Văn Đệ nối lời, nhắc lại chút ít kỷ-niệm của cụ, và tỏ lòng biết ơn của nhóm môn-sinh đã được hưởng cái công ơn đào-tạo tốt-đẹp của Họa-sư.

Chúng ta ai cũng biết bạn Lê Văn-Đệ, họa-sĩ có tài, đã là nhân viên của một nghệ-sĩ hội-hữu Pháp và đã được giáo-hoàng Pie XI tin giao cho nhiệm-vụ trang-hoàng điện Vatican kỳ đấu-xảo Paris 1937.

Và chúng ta không quên nhắc lại bức tượng bán-thân cụ V. Tardieu là công-trình tuyệt tác của nhà điêu-khắc Georges Khánh.

Mười một giờ, lễ tất. Mọi người ra về, lòng còn tràn-ngập mến tiếc nhớ-nhung...

Hương trầm bay...
Hương trầm nhè-nhẹ dâng bay...
Xiết bao cảm-động phút này thiêng-liêng !
Bài-ngùi tỏ giãi niềm riêng,
Môn-đồ tưởng nhớ triền-miên quanh hình...
Tâm thành ghi chút thâm tình :
Gánh ân, bể nghĩa muôn nghìn tiếc thương !...
Tượng mờ khói tỏa mù hương...

Họa-sĩ TRỊNH VÂN

Coi ảnh ông Charles Lacollonge ở trang 16

Quan Thượng - thư

NGUYỄN GIA-PHAN VỚI VUA GIA-LONG

TRÚC-KHÊ

ÔNG Nguyễn gia-Phan, tên cũ là Thế-Lịch, người làng Thiên-mỗ (nay là Đại-mỗ) huyện Từ-liêm. Quê ông nguyên ở làng An-lũng cũng trong huyện này, con giai thứ của ông Xứng thọ hầu Nguyễn thế-Xứng và là cháu ông Thiếu bảo Khâm quận công Nguyễn thế-Khoa. Năm lên 10 tuổi, quan Tham tụng Nguyễn quý Cảnh ở làng Thiên-mỗ, vốn chỗ họ ngoại, trông thấy lấy làm yêu, đem về nuôi dạy và nhập tịch cho ở làng này, sau lại gả con gái cho nữa.

Ông học vấn thông minh, văn chương lỗi lạc, năm 19 tuổi đỗ khoa hương, năm 26 tuổi, đỗ đồng tiến sĩ niên hiệu Cảnh-hưng khoa Ất vị (1775). Ban đầu được bổ Hộ khoa cấp sự trung, thụ chức Giám sát ngự sử đạo sơn tây. Vì ông am tường nghề thuốc mà chúa Trịnh Tĩnh-vương bấy giờ lại là người làm bệnh, nên ông thường được triệu vào thăm bệnh, do đó mà được kết tri với Trịnh-vương. Chưa bao lâu ông được thăng lên Thiêm sai tri-thị nội thư tả Lại phiên, rồi lại đổi sang Bộ phiên. Trong năm Chiêu-thống, được thăng chức Tham-tri chính sự kiêm chức Bồi tụng.

Nhà Lê mất, vua Tây sơn tìm đòi ông mãi nhưng ông không ra, đem mẹ đi trốn tránh. Rồi có lệnh sục tìm rất gấp, ông không sao được phải ra. Trong năm Quang-trung, ông được trao chức Thị trung Hiệp biện học sĩ. Năm Cảnh thịnh, ông làm đến Lại bộ thượng thư. Đến khi nhà Tây sơn mất, ông bị bắn triều bắt giam mấy tháng ở kinh đô Phú-xuân, sau lại bị giải ra giam ở Bắc-thành, hơn một tháng nữa mới được tha cho về quê nhà.

Trải qua một cuộc biến đổi lớn ấy, từ đấy ông lui về cố hương, định lấy nghề thuốc để sống nốt cái mầu ngày tàn còn sót lại. Nhưng cũng vì ông có nghề thuốc mà sau được vua Gia long lại triệu vào kinh đô vài lần, không những để chữa thuốc mà còn có ý bổ dụng nữa. Nhưng ngoài việc thuốc ông chỉ chối từ. Ông có soạn ra thiên « *Thiệp-lý sự-trạng* » ghi chép những việc trải qua của đời mình; trong đó, có một đoạn kể việc vào kinh chữa thuốc và đề thơ vào những bức họa-bình cho vua Gia-long.

Tôi có cái duyên may được đọc thiên « *Thiệp-lý sự-trạng* » ở trong cuốn gia phả nhà họ Nguyễn này, vậy xin trích thuật đoạn ấy ra đây, để góp làm một mẩu sử-liệu về triều vua Thế-Tổ.

« ..... Năm ất-sửu (1), ngày 20 tháng 6, có đặc-chỉ từ Phú-xuân (Huế) ra truyền triệu vào chầu. Sợ hãi tới thành (Bắc-thành, tức Hà-nội), được quan tổng trấn (bây giờ là ông Nguyễn văn-Thành) cấp phát cho hành trang phu dịch. Giờ Tỵ ngày hôm ấy khởi hành, do tiểu-sai-đội là Quý-trung-Ba hộ tống, ngày đêm đi gấp đường vào kinh. Sớm ngày 27 đến nơi, đưng đợi ở ngoài cửa điện. Quý-trung-Ba vào tâu trước, Hoàng-thượng sai Lại bộ thượng thư Thanh tiết-hầu, Lễ bộ thượng thư Chiêu-đức-hầu, Lại bộ tả tham tri Hưng nhân hầu ra cửa điện đón tiếp, dẫn vào trong điện bái kiến. Xong, Hoàng-thượng vời lên đứng chầu trên thềm, thăm hỏi hồi lâu, rồi sai quân tiểu sai đội là Thanh trung-hầu đưa đến nghỉ ngơi tại sở Đồ-gia, hằng ngày do nội trù đưa cơm đến; lại phụng ban 30 quan tiền để tiêu dùng.

« Hôm lên đường vội vàng, một mình vào kinh, không đem theo đầy tớ; sở này lại không có ai quen thân ở với mình, thành ra cũng có điều chưa tiện. Hoàng-thượng nhân mật dụ Lai sơn hầu Vũ Trinh, Qùy giang hầu Nguyễn cát Đồng đến cùng ở làm bạn với mình. Đầy tớ hai ông này đều là người Bắc, sai bảo cũng tiện, chén trà, điếu thuốc, không phải lo thiếu thốn gì nữa. Ở được vài ngày thì Hoàng thượng ngự đến Đồ-gia, lọng kỷ đặt ở ngoài hiên, Hoàng thượng ngồi ủy-lạo hỏi rằng: « Hôm nọ từ quê vào đây, đường xa nhọc mệt, trẫm chưa muốn phiền, nay thì đã có thể vào chầu được chưa? » Thưa rằng: « Thần ngửa nhờ thánh-đức bao-dung, nghỉ ngơi đã được khỏe-mạnh, vậy xin cho vào hầu một buổi để được biết rõ quý-mạch, kính dâng phương thuốc, đó là điều đại nguyện của thần ».

« Đêm mồng 4 tháng 7, vào khoảng canh năm, Hoàng-thượng sai nội-giám Lân dẫn vào cung Khôn-đức xem mạch. Xem thấy sán mạch trầm hoạt, ý tất khí trệ đờm đọng, lâu thành tích tụ, các thứ thuốc đều chưa giải tán đi được, nên tà-hoả bốc lên, ăn nồng

vào oẹ không chịu. Minh bèn kính dâng phương thuốc, dùng nước mía nước gừng hòa lẫn uống vào (hai phần nước mía đun nóng, hòa lẫn với một phần nước gừng), dùng hai lần thì thấy có công hiệu ; kế dùng thuốc điều bổ tỳ vị, Hoàng-thượng thấy ngày dần thanh thái dễ chịu. Ngài vui lòng lắm, mỗi lúc triệu vào cũng lại ban lời khen - ngợi. Các thầy thuốc trước đây tuyên triệu ở Bắc-thành vào như bọn Hiệp-trấn Nguyễn, Thủ-phiên Tá v. v. đến 8, 9 người lại những thầy thuốc từ Quy-nhân đến Gia-định ước 7, 8 người Hoàng thượng đều ban lộ phí và cấp ngựa trạm cho về ; duy minh được đặc mệnh lưu kinh chầu chực. Ngài lại thường sai giám lâu bảo với minh, nói ngài sẽ dựng nhà học ở phía đông ngự điện, cử minh dạy những vương-tử vương-tôn ; thánh ý như thế, tiên-sinh không nên từ chối xin về nữa. Minh đáp rằng : « Đó thực là điều đại nguyện của người ta. Duy lão-phu tự nghĩ năm xưa ngộ biến, vì nhà có mẹ già mà phải thất thân thờ ngụy, đếm lụy đã nhiều. Nay nhờ thánh đức bao dong, đã quá phận thường, đâu lại còn dám nhận chức ấy, nhờ ngài đem ý ấy tấu đạt hộ, may mà thánh-minh rủ lòng thương xét, cho được sớm về thì tôi được đội ơn vô cùng.»

« Chuyến này vào kinh, được Hoàng-thượng ban cho ở trong cung cấm, nội-trù cung cấp sự ăn dùng, giường chiếu màn đệm, chè tàu nến sáp, nhất thiết những vật cần dùng ngày đêm đều do kho trong nội cung-cấp, thỉnh thoảng lại được ban cho những của ngon vật lạ. Gặp ngày thong thả, Hoàng thượng lại thường sai làm thơ, đề vào những bức bình-phong ở ngự sở ; lại thường triệu vào hỏi-han về các việc cũ. Ơn trên đằm thắm, tự biết quá phận, càng lấy làm sợ hãi và xấu - hổ vô cùng.

« Tháng 11 năm ấy, mấy lần nài xin từ về ; Hoàng-thượng thương vì tuổi già mới chuẩn y cho, phụng ban 5 nén bạc và 1 trăm quan tiền, cho về quê quán, ban tứ thật là ưu hậu, người ta ít được thế.....

« Về nhà được hơn 4 tháng, tháng mạnh-hạ năm Bính-dần (1806) lại kính tiếp được triệu-mệnh đòi về kinh sư chầu chực....

« Sau đây là 8 bài thơ tứ tuyệt bằng quốc ngữ, phụng đề vào 8 bức bình phong (bình phong vẽ lối bách tử, bức nào cũng có lũ trẻ chơi đùa) :

I

Đề bức vẽ lũ trẻ hát múa rước rồng

Giữa giời chói chói tượng rồng bay,
Tượng ấy nhìn xem thực hội này.
Dặng khúc Chung-tư dâng chúc thánh,
Nghìn thu dằng-dặc phúc càng dầy.

II

Đề bức vẽ lũ trẻ hát múa rước kỳ lân

Rành rành thủa trước dấu lân du,
Đâu tri khen ai khéo vẽ đồ.
Kìa lũ nhi đồng đà biết hát,
Ắt ngâm câu hát chốn Nghiêu-cù.

III

Đề bức vẽ đàn trẻ hát múa, hai trẻ xem sách

Người múa hát kẻ đua chơi,
Mở sách sao ai chăm chăm ngồi.
Ý hẳn say sưa mùi đạo lý,
Tiếng đàn tiếng địch chẳng vào tai.

IV

Đề bức vẽ đào đất đắp tường, lội ao hái sen

Tường cao vòi vọi ấy ai xây ?
Tử lức (1) vui lòng chẳng mỏi tay.
Hỏi lũ hái hoa : — Chi đó mải ?
Thưa : — Tìm quân tử lắm duyên hay.

V

Đề bức vẽ mai, chim, trúc, đá, đánh cờ, xem cá

Thông xanh, mai bạc, trúc dờn dờn,
Nghĩa bạn cùng ghi với đá bàn.
Ca lội, chim bay, dần mặc thích,
Cuộc cờ khôn biết thủa nào tàn.

VI

Đề bức vẽ dưới thông gảy đàn, bên mai đốt pháo

Dưới gốc linh-xuân họp một đoàn,
Kìa ai thổi địch, nọ ai đàn !
Mai kia sớm rước tin xuân tới,
Mường - tượng bên thềm tiếng pháo ran.

VII

Đề bức vẽ trên nhà xem sách, dưới sân cưỡi bẩn

Gặp thời được phỉ chí treo cung
Chân ngựa đường dài mặc ruổi giong.
Coi sách nọ người trên kỷ tịch,
Nghĩa phương ắt có dạy nhi-đồng.

VIII

Đề bức vẽ ngâm thơ đề vách, chọi gà đánh côn

Trong chọi gà. ngoài lại đánh côn,
Trong ngoài náo-nức chốn chu môn.
Kìa trên vách phấn đề chi đó,
Đề chữ thăng bằng chúc Chí-tôn.

TRÚC-KHÊ

(1) « Tử lức » tức là tử lai, chữ ở thơ *Linh-đài* trong *kinh Thi*, nói dân vui lòng làm việc cho vua như con làm việc cho cha mẹ vậy.

Sách mới

Tri Tân nhận được :

1· *Bóng hạnh - phúc* (tập thứ hai) của Lê-văn-Trương, giá 0p 60, do nhà in Cộng-Lực xuất-bản.

2· *Đạm-Tiên* (tiểu - thuyết) của Lê - đình - Ngân, do Đông-Phương xuất bản.

Sách in đẹp, giầy 190 trang, giá 0p,95.

3· *Trần - Can, Lý - Chiêu - Hoàng* (kịch lịch-sử bằng thơ đã đăng ở Tri-Tân) của Phan - khắc - Khoan, trong loại sách Quê-Hương, Sách in bằng giấy bản, bìa tranh vẽ của họa - sĩ Nguyễn - đỗ - Cung, và do họa-sĩ Trịnh Vân trình bày, giầy 82 trang, không đề giá bán.

4· *Kinh cầu-tự* của Huy-Cận. do nhà « Mới » xuất-bản

Sách in bằng giấy bản, giầy 110 trang, giá 0p 85.

5· *Bút - Nghiên* của Chu - Thiên, một truyện tả mọi khung-cảnh của trường học cổ và những cách thi-cử ngày xưa. Sách giầy ngót 400 trang, bán 2p.00, do Hàn - Thuyên xuất - bản.

Xin cám - ơn các nhà tặng sách và giới - thiệu với độc - giả.

ĐỂ KỶ-NIỆM ĐẦY TUỔI TÔI

TRI-TÂN CÚNG MỤ

PHẠM MẠNH-PHAN

THỜI-GIỜ lặng-lẽ qua. Vừa ngày nào Tri Tân chào đời bằng một bài phi-lộ gọn-ghẽ đến nay đã một năm tròn.

Một năm qua !

Dưới trời Âu đã bao cuộc đổi thay, bao chiếc ngai vàng bị lật đổ mà riêng đất nước non này vẫn yên hưởng cảnh thái-bình lạc-lợi.

Dự cuộc xây-đắp lâu đài « văn-hóa », Tri-Tân đã « đứng vào hàng-ngũ công-binh » và trong một thời-gian ngắn đã mạnh bạo thẳng tiến trên đường gió mưa.

Một năm qua !

Muốn đánh dấu con đường đã đi, nhóm Tri-Tân có tổ chức một tiệc trà mục-đích cốt họp mặt các bạn làng văn quen biết để mặt nhìn mặt, tay cầm tay mà cùng nhau ôn lại những ngay gian lao với những giờ hoan lạc của một năm trời chiến đấu không ngừng !

Bao nhiêu phút khó khăn trên con đường đầy gai góc, bao nhiêu trở lực vì thời-cục gây nên, nhóm Tri-Tân mặc dầu không đầy lòng tự ái, nhưng cũng vui vẻ nhận rằng vẫn hăng-hái tiến theo chương-trình đã vạch và không vì một lẽ gì, một thế-lực gì để mất tín-nhiệm của mấy nghìn độc giả thân yêu.

Việc làm trong năm vừa qua đủ đảm-bảo cho tương lai của toàn nhóm.

Trên bước đường xa thẳm, buổi nay gặp ngày nhàn hạ, hãy cùng nhau nâng chén trà thanh-đạm để rồi lấy sức lại cùng nhau vui vẻ đi trên con đường văn-hóa.

***

Buổi họp mặt nhằm ngày 6 Juin 942. Hôm đó cũng như những ngày qua, trời sao nắng thế ! Gió ngừng thổi, người và cây cỏ đều như mệt nhoài vì sức nóng. Cảnh vật như bị thiêu đốt một cách ác nghiệt tàn khốc, khiến tôi nhớ lại mấy câu thơ của thi-sĩ Thế-Lữ đã phác họa cảnh hè oi-ả :

Nàng thơ ơi ! nàng thơ ! Ta buồn lắm !
Nắng gay gắt trên khóm sen không thấm ;
Gió thờ ơ không động bóng tàn cây ;
Dưới trời xanh, mây quá trắng không bay.
Hồ không sóng phơi mặt gương quá sáng,
Thời gian đứng ; sắc hình trơ-trẽn dáng.
Lòng ta không ân gềm, không vui tươi.

(Mấy vần thơ)

Trời nắng thế, lòng tôi, trước khi ra đi, cũng như tâm hồn thi sĩ, đã kém vẻ tươi sáng ; nhưng lúc tới chỗ họp mặt của các anh em nhà... nhà văn thì khác hẳn.

Vì lúc đó lòng tôi trở lại sáng ngời, được gặp các bạn thân yêu, được niềm nở chuyện - trò với những người mà trong thâm tâm còn ôm ấp những điều cao quý. Trái tim niên thiếu của tôi đã rạo rực vì ngày đó đã cùng đập một điệu với những bạn đồng - chí, trong khoảng tạm dừng chân đó trên đường văn nghệ !

Ngoài các bạn trong tòa soạn và ty trị-sự, một số đông các văn nhân và bạn hữu đã chẳng quản nắng hè gay gắt, xông pha trên đường đầy cát bụi mà lấy cuộc họp mặt làm vui.

Giáo sư Đặng Thái-Mai với vẻ người trầm mặc đang ngồi giữa buồng nhường như mải suy-nghĩ về một vấn đề triết học cao sâu.. Bạn Trần Huy-Bá sau những giờ cặm cụi ở trường Bác-cổ đang vui vẻ chuyện vãn với các bạn như để quên những giờ khắc khổ. Ông Liên-Giang ở cuối phòng đang, nghiêm trang trong bộ quốc phục Nhà nho Trúc Khê đổi mới tỉnh toạ ngay đối diện như tìm các lý lẽ để một phen bút chiến với Phan Khôi trong Nam ! Thi-sỹ Thùy-Thiên với vẻ người phong lưu nho nhã họa sĩ Trịnh Vân sơ-sài trong bộ âu-phục mùa hè, thi sĩ Đan Tâm nhanh nhẹn gọn gàng trong bộ đồ trắng, bạn Vũ-Nhật từ Lào qua chơi đất đế đô cùng một số đông các bạn khác cũng có mặt tại phòng. Bạn Lê Thanh vừa «nằm ổ» xong cũng sốt sắng đáp lại tiếng gọi của Tri-Tân.

Một người lên tiếng hỏi :

—Cụ Ứng hòe có đến không ?

Ông chủ nhiệm vội trả lời :

— Cụ đã xin kiếu và hiện cụ đang viết cho báo ta trong Bác-cổ.

***

Các bạn đến đã gần đông đủ chỉ thiếu có vài người !

Năm giờ chiều.

Tri-Tân bắt đầu «cúng Mụ».

Ông chủ nhiệm Tiêu Đàm kính cẩn đứng lên ứng khẩu vài lời khấn Mụ :

Thưa các ngài, các bạn,

«Tôi xin phép thay mặt ty trị sự, tòa soạn cảm tạ các ngài, các bạn đã không nề hà đường xa, dặm thẳng, nóng nực đến dự tiệc trà thanh đạm này.

«Nhẽ ra tôi cũng không dám dài giòng văn tự vì giời thì nóng mà các ngài các bạn đã đi qua cả một «con đường sạn đạo» mới đến đây, khác nào vào Ba Thục, Tây-Xuyên.

« Theo phong tục ta » thì, kh trẻ con đầy tuổi tôi, các nhà thường hay «cúng Mụ» để cầu cho trẻ hay ăn chóng nhớn.

«Tri-Tân ra đời ngày 3 juin 1941 đến nay vừa đầy tuổi tôi, chúng tôi xin phép theo tục nước nhà «cúng Mụ» cho tạp chí.

«Tục ta lại tin có 12 bà Mụ, nhưng hôm nay Tri Tân đã có đến

(*xem tiếp trang 16*)

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 28 Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

CIII

Tây-hồ phú (1)

Nhời dẫn (bằng chữ nho dịch ra quốc-ngữ). — Tiết hạ-tri năm tân dậu hiệu Bảo-hưng (1801) làm lễ mùa hè vua (là Nguyễn-quang-Toản, 1792 1802 nhà Tây-sơn) tế đàn Phương-trạch ở Hồ Tây (thành Hà-nội) sai hương-cống nhà Lê là Chương-lĩnh-hầu (Nguyễn Huy-Lượng) làm phụng-nghị bộ Lễ soạn một bài thơ và một bài phú. Vua ban thưởng cho hai-mươi quan tiền.

Thơ (thuận nghịch độc) :

Đầy vơi thực lạ cảnh Tây-hồ !
Trước bởi khôn thiêng khéo vẽ đồ.
Mây lần nước xanh màu đúc ngọc,
Nguyệt lòng hoa thắm vẻ in châu.
Cây la tán rợp từng cao thấp,
Sóng gầy cầm tâu dịp nhỏ to.
Vầy chốn chốn tiên non nước đủ,
Tây-hồ giả ấy dễ đâu so !

Phú :

Xinh thay cảnh Tây-hồ ! lạ thay cảnh Tây-hồ ! Trộm nhờ thuở đất chia chín cõi, nghe rằng đây đá mọc một gò Trước bạch-hồ về ở đấy làm hang, Long-quân trồ nên vùng đại-trạch ; sau kim-ngưu chạy vào đây hóa vực, Cao-vương doành tầm mạch Hoàng-đô. Tên nghe gọi Dâm-đàm Lãng-bạc ; cảnh ngắm in tinh-chử băng-hồ. Sắc rờn-rờn nhuốm thức chàm xanh, ngỡ động biếc chảy lên dòng lẻo-lẻo ; hình lượn-lượn uốn vòng câu bạc, tưởng vừng ngân rơi xuống mảnh thò-thò Dư nghìn mẫu nước giời lần sắc, trải bốn bên họa cỏ quên mùa, Đám đặt nhộ mỏ phượng còn in, kẻ rằng « đài thượng nguyệt », vũng nước vẫn hàm rồng chẳng cạn, người gọi « chẩn trung tô ». Tòa thạch-tháp nọ, nơi tiên để báu ; chốn thổ-đôi kia, chỗ khách chôn bùa Đền Mục-lang hương khói chẳng dời, tay lưới phép hãy ghi công bắt hồ ; quán Trấn-vũ nắng sương nào chuyển, lưỡi gươm thiêng còn để dấu đâm rùa. Kề bến nọ quán Thiên-niên lớp-xớp ; cách ngàn kia ghềnh Vạn-bảo nhấp-nhô Tòa Kim-liên sóng nổi mùi hương chùa Trấn-quốc tưởng in vùng Tĩnh-phạm ; hàng cổ-thụ gió giun bóng nước,, tràng Phụng-thiên nhìn sẵn thú Nghi, Vu Dấu Bố-cái rêu đầy nền miếu, cảnh Bà Đanh hoa khép cửa chùa. Trông mơ-màng nhường lĩnh thứu nơi kia. ba tổ tước cuối làng kêu chích-chích ; nghe phảng-phất ngỡ động hoa mái nọ. mấy tiếng gà trong trại gáy o-o. Lò Thạch-khối khói tuôn nghi-ngút, ghềnh Nhật-chiêu sóng dậy y-ô. Rập-rình gót bãi đuôi nheo, thuyền thương-khách chen buồm bươm-bướm ; thanh-lảnh đầu hồ cò-ngựa. tháp cao-tăng hé cửa tò-vò. Chày Yên-thái nện trong sương chếnh-choáng, đập Nghi-tàm ngăn ngọn nước quanh-co. Liễu bờ kia bay tơ biếc phất-phơ, thoi oanh ghẹo hai phường dệt cửi ; sen vũng nọ nẩy tiền xanh lác-đác, lửa đóm chen năm xã gây lò Cầm ve gầy lầu thư ánh ỏi, mõ cuốc đưa án kệ rì-rù. Gò Châu-long khi ngọn gió đưa quanh, hồi thủ-cồ thoảng kề bên khóm trúc ; non Phục-tượng buổi vừng giăng hé nửa, tiếng hàn-châm nghe cách dải sông Tô.

Người ngoạn cảnh ngẩn-ngơ đôi chốn, khách thâu-nhàn rải-rác từng khu. Mảnh áo tơi cầy lớp-xớp trong mưa, ca *Thanh-thảo* quyến đàn trâu gã Nịnh ; con thuyền trúc chở lừ-đừ trước gió, khúc *Thương-lang* đưa gánh củi chàng Chu Vầy cuộc ẩn mọi nghề nào thiếu, mượn thú vui bốn bạn gồm no Cảnh Khán-sơn chưa gác cuộc cờ, lòng thơ nọ đã bồi hồi ban ngậm thổ ; làng Võng-thị còn đang tiệc rượu, tiếng cầm đâu vừa não nuột buổi tà-ô Khách Ngô-ngọng chợ Tây ngồ san-sát, người Hi-hoàng cửa bắc ngáy kho kho. Bến giặt tơ người quầy nước còn khuya, gương thiềm dựng trên tay lấp-lánh ; vườn mai-nhị kẻ gầy sương hãy sớm, túi xạ rơi dưới gót thơm-tho Ngang thành-thị rẽ yên-hà nào thú, dọc phố phường chén phong-nguyệt đôi kho Gió hiu-hiu dòng Nhị-thủy đưa lên, lồng hơi mát tới chòm hoa khóm liễu ; giăng vằng-vặc mái Tam-sơn rọi xuống, ngậm bóng trong từ lũ cá đàn cua.

Phong cảnh cũ nhiều nơi thẳng lãm, triều đời xưa mấy lớp thanh ngu. Tựa quán hoa đặt nẻo quan-ngư, kia đời Hưng-khánh ; đề tay sóng đem bài dụ tượng, nọ thuở Càn-phù. Trải Trần trước cũng nhiều phen xe ngựa ; tới Lê sau càng lắm độ tán dù Trộm thấy thiên bát vịnh du hồ, trong tỉ hứng cũng ngụ nhời qui phúng ; trạnh nhớ khúc liên-ngâm thưởng nguyệt, lúc tiến-đàm nhường thỏa ý giao du. Tòa đá nọ ghi câu canh họa, dòng nước kia nối chén tạc thù Năm sau từ lìa bụi tiêu tường, ba thước nước khôn cầm màu hiệu khiết ; buổi ấy cũng góp phần tang hải, sáu thu giời bao xiết nỗi hoang-khô. Hình cây đá mưa rầu gió dãi, sắc hoa chim tuyết vần sương mù. Chốn tri-dường làm bợn vẻ thanh-quang, xuôi ngược những về đuôi khoa đầu ; nơi viện

vũ để che màu sảng-lãng, đọc ngang sao mặc bóng trì thù ? Hương cổ miếu đôi chòm lạnh lẽo, đèn viễn thôn mấy ngọn lù mù Kình đâu đâu đều chạy xuống trung sa, lầu túc điểu gió còn sớm quạt ; sen chốn chốn đã bay về Tây-vực, bóng ngư-du nguyệt hãy khuya mờ. Kêu trị loạn đau lòng đỗ vũ gọi công-tư mỏi miệng hà mô Lũ cây mây lần tưởng bóng nghê, thơ thất nguyệt thở than cùng mục thụ ; khách điếu nguyệt biếng nhìn tăm cá. chữ tam quyền bàn bạc với tiều-phu Nghe chòm nọ rì rầm ve sẻ, ngắm vùng kia cao thấp chai cỏ. Thú cao-lưu lệch lạc thế cờ, người nhao thủy cuốn cầm khi đãi quế ; màu yên cảnh bâng khuâng hồn rượu, khách đăng đài gác bút buổi bay ngô Chiều phong vật nghe ngường quạnh quẽ, dấu danh lãng ngẫm hãy mơ hồ. Dưới cầu vồng nước chảy mênh-mông, đường xưa đưa ngựa ; trên thành trĩ đá xây lởm chởm, bến cũ gọi đò. Trước cố-cung treo nửa mảnh gương loan, vừng giăng xế-xế ; sau cổ-tự gửi mấy phong da ngựa, đám cỏ rù rù. Lớp hoán-dịch ngày xưa man-mác, vẻ tiêu lương cảnh cũ thẹn thò. Áng phồn hoa vì cảnh muốn trêu người, người trải khi vật đổi sao dời, cảnh cũng phải chiều người buổi ấy ; lúc thanh nhàn có người còn đoái cảnh, cảnh vốn sẵn nước trong giăng sáng, người nào nên phụ cảnh này ru ! Vừng giăng nọ buổi tròn buổi khuyết, ngọn nước kia khi đục khi lờ.

Tới mậu-thân từ rỡ vẻ tường vân, sông núi khắp nhờ công đăng địch ; qua canh-tuất lại tưới cơn thời-vũ, cỏ cây đều gội đức chiêm nhu Vung trì-chiều nước dần dần sáng, áng đình-đài hoa phới-phới đua. Chốn bảy cây còn mấy gò lăng-sương, chẳng tùng bách cũng khoe hình thương-lão ; nơi một bến đã đông đoàn hí-thủy, khắp âu diên đều thỏa tính trầm-phù. Vẻ hoa thạch châu thêu gấm dệt, tiếng cầm-trùng ngọc dát vàng khua. Bãi cỏ non trâu thả ngựa buông, nội Chu đã nhiều người ca ngợi ; làn sóng phẳng kình trầm ngạc lặn, ao Hán nào mấy kẻ reo hò Mặt đất đùn này thóc ấy rau, dầu lòng Cô-trúc ; dòng nước chảy kia ghềnh nọ bến, mặc thích Sào Do. Cây miếu kia còn đứng dậy vai thần đoàn Mán tới dâm khoe nhời Tây-hữu ; sen chùa nọ lại bay về cảnh phật, lũ Ngô về từng niệm chữ «nam vô». Đàu linh khí rành rành tỏ sáng, mạch hậu-nhân dạng dặc bao so. Mặt thành xưa đem lại thế kim-thang, mây che phảng phất ; cảnh hàn cũ sửa ra nhình chỉ-trụ, đá xếp xô bồ. Nghé vùng danh áng lợi bấy lâu, cảnh tuy nhường tiện ; so nước trí non nhân mấy chốn, cảnh đã gì thua Trải mấy thu từng đựa bóng thắm xanh, may cảnh đã vào trong vũ trụ ; vì nghìn dặm hãy khơi vời bệ tía, thật cảnh còn gọi chốn biên nga. Tuy thú vị đã dai-bày ra đó ; nhưng thanh-dung nào trang-điểm đến cho.

Nay mừng giời phù chính-thống, nước mở hoành mô. Cơ tạo-hóa thấm vào trong động tác, khí càn khôn vần lại thuở đô-du. Chốn Hoàng-thành đặt vững Long-biên, ngôi Bắc-cực muôn dân đều cũng hưởng ; đàn trung-trạch xây nên ngưu chử, cảnh Tây-hồ trăm thức lại phương phu. Chòm hủ thảo chửa qua tuần đom đóm, áng hồng-vân đã cách độ tua dua. Ngẫm nguyệt-chiêm từ cấu-tượng một bao, giời kia đừng khuấy bụi ; nom tuế-luật đến sinh tân bảy tấc, đất nọ mới bay gió. Cơ vãng-phục lạnh thôi lại ấm, lý doanh hư bớt lại thì bù Được ngũ dương vừa sinh-khí nhất âm, muôn phẩm đã nhờ ơn khôn tạo ; trên chín bệ đã tề ngôi thất-chính, bốn mùa đều theo hướng đầu-xu, Hương khâm-kính xông vời hạc đãng, rượu chai kiền thấm cõi linh u. Rỡ năm mây bầy ngọc bạch đôi hàng, thảo mộc hãy ra công Thang Vũ ; vang chín bệ rõi tiêu thiều mấy chập, điểu thú đều múa đức Đường Ngu. Vẻ hoa lẫn dấu cờ năm thức, mặt nước in bóng giáo ba ngù Trước huân phong nghe phảng phất cung đàn, loài thâm thủy muốn vươn lên ngũ bái ; dưới tuệ nhật thấy vang lừng tiếng chúc, hình viễn sơn nhường rạp xuống tam hô. Lễ nhạc ấy nghìn năm ít thấy, phong quang này mấy thuở nào so. Trên dưới đều rồng mây cá nước phải duyên, gió khánh tửu rầy đôi hàng uyên lộ ; xa gần cùng cõi bờ non sông một mối, tấm kiền thành dung khắp lũ nghiêu sô. Hơi yêu mị quét dưới cờ thanh đạo, khí tường quang tuôn trước ngọn huyền lô. Dặng đầu ghềnh người mượn chữ vu viên, săn đàn hồng nhạn ; ca cuối vũng kẻ ngâm câu tại chử, kêu lũ ê phù. Nhời nghị tưởng nằm trong Chu nhã, điệu ngâm nga đứng giữa Nghiêu cù. Gẫm đây đà vui thú tạo canh, rành chốn chốn cũng ca đồng mùa lão ; xem đó đã yên loài động thực, hẳn đâu đâu đều bặt thử êm hồ.

Mừng lệnh tiết đã trình điềm thái lãng, xin thánh nhân càng cần thuở dự du. Ngọn nguồn tuôn lai láng mái kia ghềnh, đèn chiếu thủy chảy dòng Kinh Vị ; chòm cỏ mọc lơ thơ bên nọ miếu, trống thôi hoa chia rẽ Lan Do. Nhìn đã sắc xét dân phong cần nọa, ngẫm thủy quang soi vật tính thanh ô. Chốn chiều đài xem cá lội diều bay, thấu sĩ lộ nơi thông nơi trệ ; miền thôn ổ lắng muông kêu gà gáy, lượng dân gian đâu hào đâu chú. Tình u-ẩn khắp bày trên thị thính, hiệu trị bình đanh kịp dưới tề tu. Nội mạch kia dân cậy lấy làm giới, hang chuột ẩn khá ngừa nơi

Xem tiếp trang 16

Thời-đàm

Xứ ALGERIE, THUỘC-ĐỊA PHÁP

NHẬT-NHAM

Từ thế-kỷ thứ XVI, bên kia bờ Địa-trung-hải trông sang nước Pháp, vẫn có một nước theo Hồi-giáo, chư-hầu Thổ-nhĩ-kỳ. Ấy là xứ Alger thường gọi là Đại-lý-quốc-chính, thuộc quyền một vị Thống-đốc cai-trị. Viên Thống-đốc này ở trong phạm-vi kiểm-soát của các vị Quốc-vương Constantine, Oran và Médéa (Titteri).

Dân số non hai triệu người gồm có giới quý-phái Thổ-nhĩ-kỳ và nhất là các bộ-lạc Ả-rập gần như độc lập. Nguồn lợi chính của Đại-lý-quốc-chính là nghề giặc cướp trên mặt Địa-trung-hải. Các hải-thuyền Alger đi cướp phá khắp nơi đã từng phen bị hạm-đội Âu-châu đuổi đánh.

Hồi thế-kỷ thứ XVII. nước Pháp đã chiếm được trên miền duyên-hải nhiều căn-cứ thương-mại như La Calle ngay xế cửa nước Pháp.

Không phải vì muốn cấm-chấp việc cướp phá của giặc bể Alger mà nước Pháp định dùng võ-lực vào năm 1830. Từ lâu, giữa viên Thống-đốc Hussein và Chính-phủ Pháp vẫn có sự bất-hòa về một món nợ cũ và về việc lúa mì của xứ Algérie giao cho Pháp, do hai người Do-thái miền Livourne làm trung-gian. Viên lãnh-sự Pháp ở Alger là Deval tranh-luận với viên Thống-đốc Hussein. Hussein, trong lúc quá nóng, cầm phất trần đánh Deval, rồi sau vì Anh kích-thích, Hussein ra lệnh bắn một chiếc tàu Pháp đậu trong bến Alger.

Triều-đình vua Charles X rất lấy làm bất-mãn, nhân có nước Nga trợ-lực, nhất định cho quân sang đánh Algérie.

Ngày 12 Juin 1830, hạm-đội Pháp tải đến gần Alger một toán 37 nghìn quân dưới quyền chỉ-huy quan Tổng-trưởng bộ Chiến-tranh Bourmont. Thắng một trận oanh-liệt tại Staouëli, quân Pháp chiếm luôn được pháo-đài « Hoàng-đế » trong thành Alger. Ngay sáng hôm sau (4 Juillet 1830), thành Alger thất-thủ. Địch quân thiệt mất 415 người.

Thế là kết-liễu cuộc chinh-chiến. Viên Thống-đốc Hussein xuống tàu chạy sang tỉnh Naples (Ý-đại-lợi), để lại 48 triệu bạc. Sau số tiền này dùng để bù vào các khoản binh-phí. Quân-đội Pháp tạm đóng tại Bône, trên miền duyên-hải thuộc tỉnh Constantine.

Khi ấy, Anh hết sức yêu-cầu Pháp rút quân khỏi đất Algérie. Vua Charles X trả nhời một cách vẻ-vang : «Chiếm Alger, trẫm chỉ biết nghĩ đến danh-dự nước Pháp. Còn trả hay giữ Alger, trẫm sẽ chỉ biết theo quyền-lợi, nước Pháp ».

Sau khi vua Charles X thoái vị, vua Louis Philippe ngần-ngại không biết có nên giữ Algérie hay không, mà cũng không biết cai-trị các miền chiếm được theo cách nào. Sau cùng nhà vua quyết-nghị chỉ tạm chiếm đóng trong vòng 5 năm (1830-1835). Quân còn lại một ngũ, rải-rác đóng các hải-khẩu quan-trọng như Oran, Mostaganem, Bougie, Bône và ngoại châu-thành Alger (Mitidja).

Người Pháp mới đến một xứ lạ, nên gặp nhiều trở-lực : hai bờ lũy của hai dãy núi Atlas khí-hậu khô khan, nóng bức dân-chúng ở trong các nơi hiểm-trở, lúc ẩn, lúc hiện, có tài đánh nhau theo lối du kích.

Trong thời-kỳ kinh-nghiệm ấy, Chính-phủ Pháp tổ-chức quân-đội bản-xứ và đặt các công-sở Ả-rập để giao-thiệp với dân-chúng.

Năm 1834, vua Louis Philippe cử nguyên Thống-chế Drouet d'Erlon làm Toàn-quyền Algérie.

Dân bản-xứ luôn luôn nổi lên chống nhau với người Pháp, nên Chính-phủ Pháp cần phải mở rộng phạm-vi từ bờ bể vào trong nội địa.

Từ 1836 đến 1840, hai việc quan trọng đáng ghi nhất là : 1.) phía đông, hai lần vây thành Constantine ; 2) phía tây, khởi cuộc giao-tranh với Abd-el-Kader.

Năm 1836, Thống-chế Clausel, khi đó, làm Toàn-quyền Algérie, phái một toán quân 8000 người đến đánh thành Constantine. Vì tổ-chức không được chu đáo, nên cuộc tấn-công thất-bại, quân phải rút lui giữa mùa đông rá lạnh mà quan Toàn-quyền thì phải gọi về Pháp.

Nhưng đến năm 1837, một đạo binh tổ-chức rất chu-đáo dưới quyền chỉ-huy của Đại-tướng Lamoricière đã hạ được thành Constantine một cách oanh-liệt. Phải chiếm từng nhà một, rồi dần dần mới lấy được cả thành phố. Quan Toàn-quyền Danrémont thay chân ông Clausel bị tử-trận ngay lúc đầu cuộc tấn-công. Lấy được thành-trì Constantine xong, dần dần quân Pháp chiếm được hết vùng từ Philippeville trên bờ bể đến Biskra ngay địa-giới sa mạc. Năm 1839, Thống-chế Valée thay Danrémont làm Toàn-quyền Algérie, chiếm đường hẻm Biban (tục gọi là Thiết-môn) để liên-lạc hai tỉnh Alger và Constantine.

Về phía tây Alger, cuộc bành trướng của Pháp vào nội địa gặp một trở-lực rất lớn do một thủ-lĩnh cầm chịch : Abd-el-Kader, một người Ả-rập vùng Mascara, được đồng-bào tôn-trọng không những vì là dòng-dõi vua Mahomet, mà lại vì là một tín-đồ trung thành của thành Mecque. Abd-el-Kader có nhiều đức tính, nhiều tài-lược, nên được quần chúng suy tôn. Can đảm, cương quyết, Abd-el-Kader đã lá một viên tướng tài, lại còn giỏi về đường ngoại-giao và nghề thơ chú-trọng về miền sa-mạc. Năm 1832, Abd-el-Kader mới 24 tuổi, đã dấy quân đánh nhau với người Pháp, thắng luôn hai trận tại Macta và Sidi-Brahim. Theo hai bản hòa-ước do đại-tướng Desmichels ký năm 1834 và Bugeand ký năm 1837, Abd-el-Kader được công nhận có chủ quyền trên một khu vực gồm cả tỉnh Oran và một phần to tỉnh Alger.

Abd-el-Kader lợi-dụng tình-thế, tổ-chức quân-đội, mở xưởng chế tạo khí giới. Rồi đến cuối năm 1839, đem quân tiến vào Alger giết hại kiều-dân Pháp mới di cư đến đấy. Nhưng nhờ cuộc kháng chiến anh-dũng của tướng Mazagran, Abd-el-Kader bị thất-bại, rồi từ đó bắt đầu cuộc chiến tranh kéo dài trong 8 năm (1839 1847). Nước Pháp toàn thắng và chiếm được cả xứ Algérie.

Người có công nhất trong cuộc đại thắng là Đại-tướng Bugeaud (sau thăng Thống-chế).

Bugeaud dùng nhiều toán quân rất hoạt-động, cho đi khắp các nơi, qua dẫy núi Atlas và các cao nguyên tỉnh Oran, lúc ẩn, lúc hiện, giao chiến với quân địch và triệt lương thực lấy dùng cho quân đội mình.

Chiến-lược ấy đưa Abd-el-Kader đến cuộc thất-bại trong một thời-gian rất ngắn và giúp quân Pháp chiếm được thành các Mascara Tlemcen và kinh đô Smala.

Sau cuộc thất-trận, Abd-el-Kader trốn sang Maroc và năm 1844, yêu cầu được quốc-vương Mouley-Abder-Rahman tuyên-chiến với nước Pháp. Một hạm-đội Pháp kéo đến bắn phá Tanger và Mogador Một mặt, Bugeaud chỉ huy một đạo quân một vạn người, giệt được 4 vạn kỵ-binh Maroc trên bờ sông Isly, ngày 14 Aout 1844 Quốc vương phải thôi không giúp Abd-el-kader nữa và ký hòa ước Tanger (1844) định địa giới xứ Algérie và xứ Maroc.

Ab-el-Kader thế cô, phải đầu hàng năm 1847 và đưa sang Pháp an-trí.

Từ đó xứ Algérie thuộc quyền nước Pháp bảo-hộ.

Tuy còn một ít bộ-lạc dân sa-mạc Sahara nổi loạn, nhưng sau cũng hàng phục được cả.

Xứ Algérie là một thuộc-địa Pháp quan trọng nhất, vì địa thế gần chính-quốc và vì có nhiều sản-vật và nguyên-liệu.

Chia làm ba hạt: Alger, Oran và Constantine, dân số có 65 vạn người gồm 56 vạn dân bản-xứ và 920 nghìn kiều dân Âu-châu, trên một địa thế 575 290 cây số vuông.

Algérie chia làm ba khu-vực :

1· Miền Tell có nhiều đồng bằng phì-nhiêu giữa Địa-trung-hải và dãy núi Atlas, có nhiều sông chảy qua. Sông chính là sông Chéliff, còn đều là sông con không quan trọng

Miền này giồng nhiều ngũ cốc, nho, hoa quả, bông, sản-xuất nhiều ngựa, gỗ, sắt, khí hậu mát mẻ. Có mấy hải-khẩu quan trọng liên-lạc với Pháp-quốc và các nước trên thế-giới : Alger 264232 người) Oran (200671 người), Constantine (10 vạn người), Bône (65 nghìn người).

2· Miền cao-nguyên, khô-ráo, có nhiều đồng cỏ nuôi cừu, nhiều hồ nước mặn, nhiều mỏ phân hóa-học. Dân-cư rất thưa, phiêu-lưu khắp miền.

3· Sa-mạc Sahara có nhiều rừng cây chà-là (Biskra, Laghouat), nhiều núi đá và đồng cát. Khí hậu mát-mẻ ở phía bắc, nóng-nực ở phía nam. Sản-vật : quả chà-là, ngũ cốc, súc-vật.

Xứ Algérie là một thuộc-địa Pháp rất giầu nguyên-liệu thiếc, chì sắt, đồng, phân hóa học.

Kỹ-nghệ, chỉ có nghề thuộc da, làm đồ gỗ, dệt vải, vân vân.

Có 3500 cây số hỏa xa, đường giao-thông trong xứ rất tiện-lợi,

Xứ Algérie vì vị trí ở trên bờ Địa-trung-hải, có nhiều vịnh tiện cho các tàu bể lưu-trú, nên có một địa-vị quan-trọng trên trường quốc-tế, có một công-dụng rất lớn về mặt quân-sự.

Hình như Anh đã để ý đến cái công dụng ấy, nên sau khi tấn-công vào Madagascar của Pháp,

Xem tiếp trang 15

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 24 **Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ**

Khoa quí-mùi niên-hiệu Quang thuận thứ tư (năm 1463) đỗ mười lăm người đệ nhị giáp tiến sĩ xuất-thân. Theo bia Văn-miếu, thì thứ tự như sau này :

1. — Phạm Lỗ, người xã Lỗi-dương, huyện Đường-an, phủ Thượng hồng. Làm quan đến Hình-bộ hữu-thị-lang. Là anh Phạm Sán. đỗ nhị giáp khoa ất mùi năm Hồng-đức thứ sáu (1475) (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, quyển *Hải dương* tờ 11 a và 12 a).

2. — Nguyễn-Tài, người xã Hương-quất, huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng. Năm Hồng-đức canh dần (1470), vua Lê Thánh-tôn (1460-1427) đi đánh Chiêm thành sai ông cùng với Đinh thúc-Thông và Phạm-vĩnh-Dụ làm án-sát-sứ mọi doanh (*Đăng khoa bị khảo* tỉnh *Hải-dương*, tờ 42 b). *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương mục* (chính biên, quyển 21, tờ 40 a) chép «tháng một năm Hồng-đức thứ nhất (1470) vua Lê Thánh-tôn đến Thiết sơn hủy-quân của lũ Đinh-Liệt và Lê-Niệm đi trước, trong quân thất hỏa, chết hại hơn ba mươi người. Án-sát là lũ Đinh-thúc-Thông và Nguyễn-Tài làm tờ lộ chương bạch tâu (lộ là dề ngỏ) Vua ban sắc dụ rằng : «Về việc sáu quân được hay thua, quan hệ ở chức tướng quân ; cơ-quan một doanh lợi hay hại, trách-nhiệm ở chức án-sát. Quân lũ Đinh-Liệt không có kỷ-luật, khác gì trò trẻ chơi ; Lũ ngươi bạch đó, thực đáng khen thưởng » Đặc cách ban cho tiền có thứ-tự » Nguyễn-Tài làm quan đến hiến sát sứ là anh Nguyễn Thận và em Nguyễn-Thiện : ba anh em làm quan đồng triều.

3. — Đương văn-Đán. người xã Hà-lỗ, huyện Đông-ngăn, phủ Từ-sơn. Mùa đông năm Quang-thuận mậu-tý (1468), làm cống bộ chánh-sứ sang Tàu. Sau làm đến thừa-chánh sứ (*Đăng khoa bị khảo*, tỉnh *Kinh bắc*, tờ 26 a, chép là thừa-tuyên-sứ).

4 — Nguyễn Tường, người xã Cao-cương, huyện Tân-phong phủ Tam-đái Đỗ cả khoa hoành từ : *Việt sử cương mục* (quyển 21 tờ 8 b) chép «tháng chạp năm Quảng-thuận thứ tám (1467), đặt khoa hoành-từ (trong sach *Kiến-văn-lục*, Lê-quý-Đôn nói về phép thi hoành-từ có : thơ phú, tán, tụng, ca, châm, không có thể-lệ nhất-định) : quan-viên từ tứ-phẩm trở xuống đều được dự thi. Năm Quang-thuận thứ tám (1467) gồm ba mươi người họp ở Phượng-ngai-đường vua Lê-Thánh-tôn (1460-1497) tự ra đầu bài. Lang trung Nguyễn-Tường, Lê-đình-Tuấn,, tri-huyện Nguyễn-nhân-Thiếp, Đao-huấn Cử, viên-ngoại-lang Phạm-như-Lam, Trần-quý-Huyên, đều trúng tuyển, được sung vào Bí thư giám đọc sách». Nguyễn-Tường làm quan đến Hình bộ tả-thị lang (*Đăng khoa lục*, quyển 1 tờ 10 a.)

5. — Lê-đình-Tuấn, người xã Thanh-lãng, huyện Tế-giang phủ Thuận-an. Đỗ cả khoa hoành từ với Nguyễn Tường (xem đoạn trên kia.) Làm quan đến Đông-các hiệu-thư. *Việt-sử cương-mục* (quyển 20, tờ 6 b) chép «tháng năm năm Quang-thuận thứ bảy (1466) Thái bộc tự thiếu-khanh là Lê-đình-Tuấn tâu rằng :«Việc làm ruộng là việc gốc trong thiên hạ, không nên để lỗi-thời (tức là trái mùa) : các quân trong nước xin để lại một nửa ứng bầu việc công, còn cho về làm ruộng». Vua Lê Thánh-tôn (1460-1497) theo lời tâu.»

6. — Đào-Bạt, người xã Tiền-liệt, huyện Bình-hà, phủ Nam-sách (*Đăng khoa bị khảo*, quyển *Hải-dương*, tờ 71 b, chép là huyện Thanh-hà) Làm quan đến thượng-thư Là tằng-tổ Đào-Tôn.

7. — Đỗ-Hân, người xã Cao-mặc, huyện Thanh-miện, phủ Hạ-hồng (*Đăng khoa bị khảo* quyển *Sơn-nam*, tờ 51 b, chép là xã Cao-trều). Cùng với trạng-nguyên Lương-thế-Vinh bổ vào Bí-thư-giám. Làm quan đến tả-thị-lang.

8. — Phạm-Ngữ, người xã Phan-xá, huyện Nghi-xuân, phủ Đức-Quang Nguyên quán ở xã Phù-ninh, huyện Đông-ngàn. Đỗ năm ba-mươi tuổi. Làm quan đến thiêm-đô ngự-sử (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, thu, tập trung, tờ 11 a).

9. — Nguyễn-Ký, người xã Linh-giang, huyện Chí-linh, phủ Nam-sách. Đỗ năm ba-mươi tuổi. Đến năm bốn-mươi-tám tuổi, tức là năm Hồng-đức tân-sửu (1481) thăng Lại-bộ thượng-thư, giữ việc thuyên-tuyển hơn mười năm. Là tằng-tổ Nguyễn-Nghiễm (*Đăng khoa bị khảo*, quyển *Hải-dương*, tờ 77 b).

10. — Vũ như-Nhuế, người xã Thượng-đặng, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách. Đỗ năm hai-mươi-tám tuổi, làm quan đến Hàn-lâm-viện khởi-cư-chú (*Đăng khoa bị khảo*, quyển *Hải-dương*, tờ 56 b).

11. — Hoàng-Bồi, người xã Cam-giá-hạ, huyện Phúc-lộc phủ Quốc-oai, Đỗ năm hai mươi bảy

tuổi Năm Cảnh-thống nhâm tuất (1502) làm Quốc-tử-giám tư-nghiệp, thăng Hộ-bộ thượng-thư (*Đăng khoa bị khảo*, thu tập thượng, tờ 66 a).

12. — Đinh Thúc-Thông, người xã Vinh-quan, huyện Gia-viễn, phủ Trường-yên (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 11 b, in là Quan-vinh). Nguyên-quán ở xã Vũ-lăng, huyện Thượng-phúc. Đỗ năm hai mươi hai tuổi. Làm quan đến thượng-thư. « Mới bắt đầu làm Hàn-lâm trực học sĩ. Khi vua Lê Thánh-Tôn (1460-1497) đi đánh Chiêm-thành, ông sung chức Hành-doanh án-sát-sứ, cùng lũ Nguyễn-Tài tâu càn rỡ không đúng sự thực. Vua giận lắm, bắt cởi mũ làm đồ niệu-khí để cho nhục » (dịch trong *Đăng khoa bị khảo*, thu tập hạ, tờ 54 a 54 b ; *Việt-sử cương-mục*, quyển 21, tờ 40 a, chép khác hẳn, xem truyện Nguyễn-Tài dịch trên kia). *Bổ chính thiếu vi*, quyển 3. *Hậu Tân kỷ*, tờ 102 a, dẫn chuyện Bái-công bắt khách cởi mũ (*quan*) rồi tiểu-tiện (*niệu*) vào trong, vì thế về sau có hai chữ *niệu quan*.

13. — Võ-Hữu, người xã Mộ-trạch, huyện Đường an, phủ Hạ-hồng. Đỗ năm hai mươi tuổi. « Năm Cảnh-thống lúc đầu (1498) làm Lễ bộ thượng thư, tâu xin bổ đủ số đầu-bếp hiếu ở thự Thái-quan, cùng những tháng làm ruộng mùa hạ mùa đông cho quân lính chia nhau về, để cho đều sự khó-nhọc và sự thong-thả. Rồi thiên làm Hộ-bộ thượng-thư, được đề-cử kỳ điện thi năm nhâm-tuất (1502). Lúc bấy giờ tuổi năm-mươi-nhăm, lần lần được tiến tước Tòng dương hầu (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 11b, in là Dương tòng hầu). Năm đinh hợi hiệu Thống nguyên (1527) cùng Phan đình-Tá bàn việc cho ngụy Mạc được chín thức dùng (chữ nho gọi là cửu-tích ; quyển *Từ-nguyên* chua đời xưa thiên-tử ưu lễ đại-thần, cho đồ dùng khác với các quan, tỏ ý vêu-qui đặc-biệt ; chín thức ấy là xe ngựa, áo mặc, nhạc khí, cổng sơn đỏ, nền điện làm từng bực, quân hổ-bôn, cung tên, thiết-việt, rượu cự-sưởng, là một thứ rượu làm bằng gạo nếp đen) Võ-Hữu phụng mạng đi sách phong cho Mạc-đăng-Dung (1527-1529) làm An-hưng-vương : đời bấy giờ người ta cho ông vào hạng a-dua thứ nhất. Sau dần-dà làm quan nhà Mạc Thọ tám-mươi-bảy tuổi. Võ phương-Đề chép truyện ông lại nói ông không chịu thờ nhà Mạc : chưa biết ai phải. Ông là bác Võ-Đôn, tổ năm đời Võ-Lương, tổ sáu đời Võ đình-Lâm, tổ xa Võ-đình-Thiều và Võ đình-Ân» (dịch trong *Đăng khoa bị khảo*, quyển *Hải-dương*, tờ 11a-11b).

14) — Nguyễn-đình-Liêu, người xã Cối-giang, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn (Cối giang nay là xã Hội-phụ) Đỗ năm hai mươi mốt tuổi. Làm quan đến thượng thư) *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 11b. và *Đăng khoa bị khảo* quyển *Kinh-bắc*, tờ 26 b)

15 — Lưu-công-Ngạn, người xã Khúc-lễ, huyện Thủy-đường, phủ Kinh-môn (*Đăng khoa bị khảo*, quyển *Hải-dương*, tờ 93b, viết là xã Do-lễ).

Còn nữa

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

Xứ Algérie

Tiếp theo trang 13

hồi 9 giờ sáng hôm thứ ba, 19 Mai 1942, một chiếc thủy-phi-cơ Anh bay trên hải-phận xứ Algérie, không ngoài mục-đích thám-thính vùng này. Một đoàn phi-cơ khu-trục của Pháp, canh giữ miền duyên-hải, được lệnh cất cánh bay ngay lên nghênh-chiến, bắt buộc thủy-phi-cơ Anh phải hạ xuống.

Sau khi đó, một chiếc ngư-lôi-hạm của Anh bắn vào hai chiếc tàu Pháp, đồng thời lại bắn một đội phi-cơ khu-trục Pháp, nhưng không thiệt hại gì.

Tuy vậy, cũng chưa xảy việc gì quan-trọng ảnh-hưởng đến nền thịnh-trị xứ Algérie.

Algérie vẫn phòng-thủ và đủ lực-lượng để giữ nguyên tình-thế và địa-vị trong đế-quốc Pháp.

NHẬT-NHAM

Hộp thơ

Ô. Đào trọng Dả, Pnompenh. — Ông cứ quấn lại để ngoài articles de presse dán 6 xu tem gửi ra cho, bản chí rất hoan nghênh.

Ô. Phạm văn Bính, Hưng yên. — T. T. từ 1 đến 40 còn nhưng thiếu đến 10 số. Tem nhận được rồi còn bài thi chưa.

Ô. N. N. Cambodge. — Hạn báo của ngài hết từ 31 Mai 1942

Trẻ con thuộc A B C rồi nên cho chúng học ở quyển

VẠN VĂN BÁCH TUYỂN

của ông Dương Tụ-Quán

Sách biên tập rất tốt, hợp với trình độ trẻ, từ dễ đến khó, đã được hội đồng duyệt y cho dùng trong các trường công tư khắp Đông-Pháp

Mới in lại lần thứ 7 — Giá 0p50 — Cước 0p10

Tri Tân cúng Mụ

(*Tiếp theo trang 9*)

36 bà mụ, nói cho đúng là các ông Mụ ! Vậy tôi xin thành thực kính mời các ngài, các bạn nâng chén trà thanh đạm mừng Tri-Tân đã được một năm tròn.

«Về tương lai, tôi lại xin cam đoan rằng Tri Tân sẽ hết sức theo con đường văn-hóa, sử học và văn học mà các ngài đã chỉ hoạch, dù gặp trường hợp khó-khăn, dù qua hoàn cảnh nào, Tri-Tân vẫn theo đuổi tôn chỉ của nó không vì hoàn cảnh mà thay đổi, không vì trường hợp mà đi sai đường. Xin các ngài các bạn thề tất cho. Vạn tạ.»

Một chàng pháo tay hoan nghênh ông Tiên Đàm với những lời thành thực.

Đoạn bạn Cách Chi, mà có bạn gọi đùa là «Cóc Cách», đứng lên đọc bài thơ bạn đã làm để kỷ-niệm Tri-Tân :

Đường đi, đi đã một năm vừa :
Lội suối, trèo đeo mấy độ qua.
Mặt sạm chi màng mưa với nắng,
Gót chồn, bao quản dốc cùng xa.
Da-tràng công nọ, mong không nông ;
Quốc-quốc hơi kia, ước có thừa.
Những nỗi trên đường còn lắm lắm,
Ngừng chân, gắng sức lại sông pha

Đến lượt bạn Nhật-Nham cao giọng đọc bức thơ xin kiếu của cụ Trần Hàm-Tấn với mấy câu mừng Tri-Tân cùng non sông trường thọ !

Thì-buổi day-tân tấn-tới dần,
Tân-văn, tân-chí lại « Tri-Tân ».
Ôn trong điển cũ pha màu mới,
Tinh hết vòng Trời dựng tháng xuân.
Tập-từng chen chân rồi biết đứng,
Nói năng đủ giọng hẳn thành văn.
Mạ nào khéo dạy tay cầm bút
Trăm tuổi dài lâu cố đỡ-đần...

Đọc xong các bài đó, bạn Hoa-Bằng có vẻ đang tư lự trong làn kính trắng, ông chủ-nhiệm vội phô :

— Các bạn đừng lo, Tri-Tân đã trù liệu đủ giấy in ít ra là 6 tháng nữa !

Bạn Lê-Thanh xen lời :

— Có lẽ vì thế bác Hoa-Bằng có vẻ lo, lo sao «bôi đen» hết số giấy đó trong thời-gian ấy !

Các bạn cười, cái cười thân mật tỏa trong câu chuyện của một nhóm đồng chí đã rậy vang trong một căn phòng rộng rãi.

Bữa đó tôi đã «tận tâm» với Tri-Tân và theo chiến lược «chớp nhoáng» những đĩa bánh ngọt đã lần lượt bị tiêu diệt !

Tiệc trà đã bắt đầu trong một bầu không khí thân thiện và đượm vẻ nồng-nàn.

Nâng chén trà thơm mừng cho Tri-Tân, ai nấy đều tỏ vẻ hoan-lạc và lưu luyến với các văn nhân nhường như hẹn cùng nhau thắt chặt giải đồng tâm để cùng phụng sự những lý-tưởng cao xa đã khắc sâu trên đài văn-hóa trước bàn thờ non sông Tổ Quốc !

Trong hai tiếng đồng hồ, các văn hữu đã cùng nhau chuyện vãn, tiếng nói sen lẫn tiếng cười vui-vẻ như để xua đuổi những nỗi nhọc-nhằn trong năm vừa qua và để hứa hẹn nhau càng ngày càng khăng khít trên con đường văn nghệ đầy chông gai hiểm trở.

Lúc ra về, tôi bỗng nảy ra một ý-nghĩa kỳ ngộ là mong tháng tháng có một tiệc trà như vậy ! Nhưng đó là một điều mong.... nguy hiểm vì nếu có thật, ông thủ quỹ Tri-Tân sẽ là người đầu tiên xin.... từ-chức vì nhóm Tri-Tân chỉ sẵn sàng giầu lòng hăng-hái giàu chí quả-quyết với đức hy-sinh cho văn nghệ, chứ có được dư-dật như ai mà hòng ngụp lặn trong một cuộc đời huy hoàng lộng-lẫy.

PHẠM-MẠNH-PHAN

Ông Ch. Lacollonge, hội-trưởng Hội Việt nam mỹ-thuật kỹ nghệ

Tài-liệu...

Tiếp theo trang 11

cỏ khuất ; bờ liễu nọ kẻ xây đã vững đất, lỗ kiến đùn lên cần buổi nguồn sô. Đem phong cảnh lại một hồ tuy nhỏ, mở thái bình ra bốn bề mới to. Tôi này nay hồ mình thiền lậu, dại tính sơ thô. Dư một kỷ yên bề vu thước, ngoài năm tuần thẹn bóng tang du. Trước phương đàn lạm sánh hàng uyên, góp hồ cảnh tiến một chương quốc ngữ ; bên Ngự đạo ngửa trông vừng nhật, tiếp sơn thanh mừng muôn kỷ dao đồ.

(Chép theo quyển *Tây hồ phú*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác cổ, số A B 299, tờ 1a 6b, và quyển *Phong-cảnh biệt chi* sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác cổ, số A B 377, tờ 1a-7a).

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ
biên tập

1) Quyển *Việt-văn hợp-tuyển giảng nghĩa* của ông Lê thành-Ý và ông Nguyễn hữu-Tiến chép bài *Tụng Tây-hồ phú* (in lần thứ hai, năm 1936) ở trang 115-116, nhưng chỉ chép có đoạn đầu, mà lại đề là của Trương Vĩnh-Hầu. Ngay từ năm 1930, tôi đã viết trong *Bulletin de l Ecole française d'Extrême-Orient* (quyển XXX, trang 144) rằng bài Tây-hồ-tụng là bài của Chương-lĩnh-hầu Nguyễn-huy-Lượng. *Nam-phong tạp-chí*, số 85, tháng Juillet 1924, trang 69-72, không biên tên tác giả, mà chép bài phú cũng không chép đủ, thiếu hẳn đoạn đầu và đoạn cuối. Nay tôi sao lại đủ cả, chỉ bỏ những chỗ chua bằng chữ nho về chuyện bạch hồ, kim ngưu, v.v., và những chỗ dị bản. vì sợ dài quá, phải ngắt ra làm vài kỳ.

TÂY-NAM ĐẮC BẰNG

của NGUYỄN-TRIỆU

II

Sau khi chiếm được thành Sài-côn rồi, Nguyễn Nhạc để Đỗ Nhân Trập ở lại giữ thành, rồi cùng Huệ về Qui-Nhơn. Các tướng-lĩnh nhà Nguyễn lại nổi lên đánh quân Tây-sơn. Bấy giờ có chưởng-cơ Chu-văn-Tiếp đem quân bản bộ từ Phú-yên về hợp với quân các đạo đánh đuổi hết quân Tây-sơn đi, cướp lại được thành Sài-côn rồi cho người ra đảo Phú-quốc đón Nguyễn-vương về.

Vương về sửa sang các việc để phòng để chống giữ với Tây-sơn, sang đến đầu năm Quý-mão, 1783, vua Tây-sơn lại sai hai em là Huệ và Lữ đem quân vào đánh. Nguyễn-Vương lại phải rước Vương-mẫu và Cung-quyến ra đảo Phú-quốc. Đến tháng 6, Huệ lại theo ra vây đánh Phú-quốc, Nguyễn-vương chạy về đảo Côn-Lôn ; quân Tây-sơn lại đem binh thuyền đến vây Côn-Lôn và may nhờ có trận gió bão làm binh thuyền Tây-sơn đắm cả, nên Vương lại trở về được Phu-quoc.

Lúc bấy giờ Vương cùng cac quan theo hộ gia phải hái rau và tìm củ chuối mà ăn vì lương thực đã hết sạch và thế-lực cũng cùng kiệt.

Nguyên lúc thất-trận ở Sài-Côn, Chu văn-Tiếp chạy sang Tiêm-la mượn binh cứu-viện.

Tháng 2 năm Giáp-thìn, 1784, Vua Tiêm sai tướng là Chat-xi-da đem thủy-quân sang Hà-tiên và sai người đi tìm vua Nguyễn để mời ngài sang Vọng-Các bàn việc. Vương cũng nhận được cả mật-biểu của Tiếp, cho nên Ngài mới đến hội cùng tướng Tiêm-la rồi cùng sang Vọng-Cao xin viện-binh.

Vua Tiêm tiếp đãi Vua Nguyễn rất hậu và rồi sai hai tướng là Chiêu-tăng và Chiêu-sương đem hai vạn quân và 300 chiến thuyền sang giúp Vua Nguyễn. Quân Tiêm sang đến nơi và có cả Vua Nguyễn và Chu văn-Tiếp cũng cùng về đi đánh lấy lại được Rạch giá, Ba thắc (1) Trà-ôn, Mân thít (2) Sadec. Trận đánh này Chu văn-Tiếp bị thương rồi mất (3).

Tướng Tây-sơn giữ đất Gia-định bấy giờ là Trương Văn Đa thấy Vua Nguyễn viện được quân Tiêm sang mạnh quá, bèn sai người phi báo ra Qui nhơn. Nhạc lại sai Huệ vào chống.

Sau khi vào đến Gia-định, Huệ dử cho quân Tiêm tiến sâu vào đến gần Rạch-Gầm (Mỹ-Tho) rồi đánh phá một trận, giết quân Tiêm chỉ còn được vài nghìn người chạy theo đường bộ mà về nước. Phá tan được quân Tiêm rồi Huệ lại đem binh đuổi đánh Nguyễn Vương và để *đô đốc* Đặng văn Trân ở lại trấn đất Gia-Định.

Nguyễn-Vương bây giờ hết cả lương-thực, cùng với may quan hộ-giá chạy về Tran-giang, ra đảo Thổ châu, đảo Cổ cốt (4) rồi lại sang nước Xiêm. Sach Sử-ký Đại-Việt-Nam quốc triều xuất bản tại Saigon năm 1898 (5) chép rằng bấy giờ chúa Nguyễn-Ánh và đức thày Vê-Ro đều chạy sang nước Xiem, vua thì lánh ở Hon-dừa và đức thày thì đi nơi khac, nên đức thày cũng khong biết được là vua ở đâu

Đức thay bèn vào cửa Chantaboun để các đạo hữu và đồ đệ ở lại đó và cố Liot cũng ở lại đấy để coi soc dậy giỗ cac bổn đạo, còn Đức-thày và cậu Paolô thì đi Bangkok.

Trong xứ Chantaboun bấy giờ vốn đã có nhiều bổn-đạo là người An-nam sang làm nhà ở đấy đã lâu, người thì đi buôn bán, kẻ thì chạy giặc bỏ quê hương mà sang.

Vì Đức thày Bá đa lộc vẫn không biết chúa Nguyễn-Ánh ở đâu, nên đã dặn giò đức cha Liot (6) phải cho người đi tìm kiếm xem Ngài ở đâu. Cố Liot cho thuyền đi tìm kiếm mọi nơi không thấy chúa Nguyễn ở vào đâu cả.

May bấy giờ có một người trong bổn-đạo tên là Trùm-Năm thời thường vào rừng kiếm lim và trầm về bán để độ nhật, tình cờ ghé Hòn-Dừa thì gặp chúa Nguyễn và các quan tùy tùng khốn cực mọi đường, không còn có gì mà ăn cả. Trùm-Năm có bao nhiêu gạo thì đưa dâng cho Vua hết, rồi tức khắc bơi thuyền về Chantaboun báo cho đức cha Liot biết. Cố Liot vội vàng tức khắc cho thuyền chở đầy gạo, cá khô, gà vịt và lợn cùng các đồ cần dùng khác đem đến Hòn-Dừa mà dâng cho Vua rồi viết thơ về Vọng-Các báo tin cho đức thày Bá Đa-Lộc hay.

Đức Thày được tin, liền cáo từ vua Xiêm trở về Chantaboun và đem rất nhiều lương-thực xếp xuống thuyền thẳng buồm về Hòn-Dừa cho được gặp nhà Vua ; hai bên vui mừng xiết kể...

Đức Thày bàn tính cùng Vua nên sang cầu-cứu nước Phép là hơn cả nhưng phải cho Hoàng-tử đi làm tin thì mới xong việc được.

Nguyễn Vương nghe theo lời ấy, bèn giao Hoàng-tử Cảnh năm ấy mới 4 tuổi

Đón xem

Tôn Thọ Tường

một danh-sĩ đất Đồng-Nai
(1825-1877)
KHUÔNG-VIỆT biên soạn
THIẾU-SƠN đề tựa,

« . . . Một công trình có giá trị « về lịch sử và một tấm gương « tiết tháo để soi chung ».

Nhà NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM
12, Rue Sabourain, Saigon
phát hành.

(7) và cái quốc-ấn cùng một tờ quốc-thư tự tay Vua Nguyễn viết (8); ủy quyền phó-thác các việc cho Đức-Thày cứ tự-tiện mà thương-nghị với Pháp-đình để xin viện-binh.

Vua Nguyễn lại viết một bức thư riêng để dâng lên Pháp-hoàng và sai quan Phó-vệ-úy Phạm-văn-Nhâm, quan Cai-cơ Nguyễn-văn-Liêm theo giữ gìn Hoàng-tử Cảnh.

Mùa đông năm Giáp-thìn, Décembre 1784, Đức-thày Bá Đa-Lộc dắt Hoàng-tử Cảnh cùng Phạm văn-Nhân và Nguyễn văn-Liêm xuống tàu để sang Tây, qua Ấn-Độ Dương, ghé thành Pondichéry. Chủ ý Đức-thày ghé Pondichéry là còn muốn để điều-đình thỉnh-cầu các quan Trấn-thủ Pháp ở Ấn-Độ thuộc Pháp, ở cù-lao France và ở Bourbon để xin phát tạm viện-binh ít nhiều sang giúp Chúa Nguyễn-Ánh đánh Tây-sơn, kẻo để Chúa phải đợi Đức Thày đi Pháp về mới có quân tới thì lâu quá. Việc đức-thày mưu-định không xong, nên phải lận đận ở Pondichéry đến 20 tháng và mãi đến mùa hạ năm Bính-Ngọ, juin 1786, Đức Thày mới đáp tầu « *Malabard* » về Tây và mãi đến mùa xuân năm Đinh-Vị, Février 1787, mới tới cửa Lorient là một hải-cảng ở về phía Tây nước Đại-Pháp.

Đức thày đưa Hoàng tử Cảnh vào bệ kiến Pháp-hoàng Louis XVI tại cung Versailles tâu bầy rất tường tận về tình trạng nước Nam và những lợi-quyền dành để cho nước Pháp. Pháp-hoàng họp đình-nghị liền và ưng-thuận ngay. Hoàng-tử Cảnh được tiếp đãi trọng thể heo vương-lễ trong cung Versailles và nô đùa cả ngày với các ông hoàng bà chúa Pháp (9).

Tới ngày 28 Novembre 1787, bá tước Montmorin, ngoại-giao thượng-thư, mới cùng Đức-thày Ba-đa-Lộc ký điều-ước Pháp-Nam bảo-trợ, đại để : Vua Pháp thuận giúp Vua Nguyễn 4 chiếc tầu chiến và một đạo quân có đủ súng đạn, Vua Nguyễn phải nhường hẳn cho nước Pháp Cửa Hội-An (Faifo) và Côn lôn (Poulo-Condore) và phải để cho người nước Pháp đi lại buôn bán tự do, ngoại giả không được để cho người nước nào khác ở Âu-Tây sang buôn bán ở nước Nam nữa....

Sau khi ký tờ giao ước rồi, Pháp Hoàng liền xuống chiếu giao cho quan Tổng-Trấn thành Pondichéry là bá-tước De Conway để liệu-lý việc đưa quân sang giúp Vua Nguyễn.

Ngày 8 Décembre 1787, Bá-Đa-Lộc vào bái-tạ Pháp Hoàng Louis XVI rồi đến ngày 29 tháng 10 năm Đinh-vị nhằm 27 Décembre 1787 đưa Hoàng-tử Cảnh xuống tàu « *Drgade* » về nước. Ngày 18 Mai 1788 về đến Pondichéry. Chỉ vì có sự bất-bình (10) giữa Đức-thày Ba Đa-Lộc và De Conway, nên Conway kiếm cớ thoái thác ngăn trở rồi dâng sớ về Pháp-đình xin bãi việc giúp binh cho vua Nguyễn.

Thày De Conway không chịu xuất binh thuyền, được thay vì tình bằng hữu, vì lời hứa, vì danh dự người nước Pháp và vì sự ích lợi cho tôn giáo, bèn phải bỏ tiền riêng ra mua nhiều binh thuyền súng đạn và chiêu-mộ các thủy-quân người Pháp là những thanh niên anh tài và có kinh nghiệm quân sự. Ngày 15 juin 1789 cùng Hoàng-tử Cảnh xuống tầu « *Méduse* » đem binh thuyền về giúp vua Nguyễn. Tháng 6 năm Kỷ-dậu, ngày 19 juillet 1789, con tầu « *Méduse* » đưa đức thày về qua Côn lôn, tải lên một ít súng ống đã mua cho vua Nguyễn và đưa theo về Gia-định mấy võ-quan người Pháp đức thày cho về trước theo chiếc tầu Drayde đưa về tự ngày 15 Septembre 1788.

Bấy giờ vào ngày tháng 6 năm Kỷ-dậu là 24 juillet 1789, tầu « Méduse » đưa Đức-Thày và Hoàng-Tử vào cửa Cần-giờ. Vua Nguyễn được tin, mừng rỡ vô cùng, bèn sai Tôn-thất Hội đem binh-thuyền ra đón. Trên tầu bắn súng chào. Các quan ta lũ lượt kéo nhau xuống xem và tầu đậu 11 ngày rồi mới nhổ neo đi.

Trong số các quan người Pháp sang cùng Đức-Thày có bọn Ollivier de Poymanel, (11) Philippe Vannier, (12) Laurent Barisy, (13) J. M. Dayot (14), Félix Dayot (15), J. B. Guillon (16), Julien Gérard de l'Isle Selle, (17) Guillaume Guillonx (18) De Forçant (19) còn bọn J. B. Chaigneau (20) Le Brun, (21) Despian (22) và nhiều người nữa mà sẽ tới sau ca.

Bản chí

Cần cổ động viên để đi các tỉnh thu tiền và lấy thêm đọc giả, vậy ai muốn làm, cần có những điều kiện này :

1·) Phải là người trên 20 tuổi.
2·) Có bằng Sơ học Pháp Việt.
3·) Có ký quỹ từ 50p. đến 100p.
4·) Có tính hạnh tốt.

Xin viết thư (nhớ kèm tem trả lời) cho bản chí.

TRI-TÂN

HÀNG MAY ÁO DI MƯA

Bằng lụa hoặc vải rất đẹp, nhẹ, bền, không ngấm nước, ra nắng to, vào nước sôi cùng ét sáng đều không chảy, không bao giờ dính quần áo.

Có đủ các mầu — Giá rất rẻ
do ETABLISSEMENT B T M chế tạo
Cần đại lý khắp mọi nơi
Viết thư về bureau de l'Établissement thương lượng cùng M. BÙI-TÙNG-MẬU.
N. 36, Rue du Charbon Hanoi

Kế đó vua Nguyễn phong quan chức cho những người Pháp. Riêng có J. B. Chaigneau và Vannier là được ngài ban cho quốc tính và đặt tên ta. Theo sách ông Alexis Faire chép, thì hồi bấy giờ có 369 người Pháp phò giúp chúa Nguyễn, song thật ra, chỉ có độ 40 người và theo sử sách ta thì chỉ có gần 20 người là ta quen biết hơn cả :

J. B. Chaigneau hay Nguyễn văn-Thắng, Thắng-tài-hầu.

Philippe Vannier hay Nguyễn văn-Chấn, Chấn oai hầu.

Victor Ollivier, ta quen gọi ông Tín, vệ-úy ban trực hậu.

De Forçant hay Lê văn-Lăng, Cai-độ Lăng đức hầu.

Laurant Barisy, ta vẫn quen gọi ông Mâu, Thành tín hầu.

J. M. Dayot, ta gọi là ông Trí, Trí-lược hầu.

Théodore Le Brun. Cai-đội Thạch-oai-hầu.

Gipson, Cai đội Chất trực hầu.

Gérard de l'isle Selle, Cai-đội, Long-hưng hầu.

J. B. Guillon, phó cai đội, Oai dũng hầu.

Guillaume Guilloux, phó cai đội Nhuệ-tài hầu.

Magon de Médine.
Etienne Malespine.
Dominique Desperles, làm thày thuốc.
Emmanuel Tardivet.
Despiau, thày thuốc.
Joang (Jean)

Mấy người sau đó không thấy sử sách nói đến chức tước vua phong. Ngoài ra lại còn Mạn Hòe chưởng vệ là Manuel, An-hòa hầu, tử trận ở Thất-kỳ-giang hồi tháng 3 năm nhâm-dần (1782) và 2 người I-pha-nho là Manoe và januario, năm quý-mão, 1783, phụng mạng đi Lữ-tống (Luçon) cầu-viện, không may ra đến bể gặp binh thuyền Tây sơn bắt được đều bị hại cả.

Khi bấy giờ vua Nguyễn đã được binh ròng tướng mạnh và nhiều khí-giới tối tân do đức thày Bá-đa-Lộc đưa sang cùng những võ quan anh-tuấn người Pháp mà đức thày đã chiêu dụ về Gia-định đó luôn với hơn một muôn quân sĩ tập rèn theo trận pháp Âu-tây. Lại có một trường quân học tập ở Saigon để huấn luyện những người làm cai và đội. Đức thày thì luôn luôn ở bên cạnh vua Nguyễn, như bậc tể tướng quân sư. Chỉ có một mình đức-thày khuyên bảo săn sóc tất cả mọi việc từ nội chính đến ngoại giao và không có buổi hội nghị nào về quốc sự và quân-sự mà đức thày không dự. Nhiều trận thế quan trọng đều do đức thày định-đoạt kế hoạch cả. Riêng đức thày có một toán quân riêng hộ vệ. khi đi đâu thì có một lá cờ nhiễu đỏ lớn đi trước thế cũng đủ rõ là Đức-thày có quyền hiệu-lệnh tướng-sĩ.

Thời thường cứ ba ngày thì đức thày giúp Vua Nguyễn về việc binh việc nước và đêm thì cặm cụi phiên dịch những sách về kinh tế và chính trị ra tiếng ta để Vua Nguyễn xem.

Đức thày vốn cũng đã muốn hóa cho Vua Nguyễn nên một bực đế-vương mới của nước Nam vậy. Khắp trong xứ từ quan chí dân trọng đãi đức thày như bậc thần minh. nên đã tặng chữ «*Tây - thổ vĩ nhân* và *Nam - triều thượng-khách*» vậy.

Tuy nhiên, có một số nhiều các quan ta tại triều, đem lòng ghen ghét và khích-bác đức-thày luôn, nên mấy phen Nguyễn-Vương muốn đem xử trảm thì đức thày lại hết sức can ngăn cho được khỏi chết. Ngoài ra có đến gần 40 ông quan bị tội đáng phải chém nhưng nhờ được đức thày xin Vua tha cho.

Cũng vì sự gièm-pha của các quan, nên Vua Nguyễn lại không muốn để cho đức thày dạy Đông-cung Cảnh như trước nữa và một độ ngài đem Đông-về giao cho các quan ta rèn tập kinh sử thánh hiền, song vì Đông-cung chăng chịu, nên cách ít lâu lại giao giả cho đức thày.

Các Pháp quan mới, bắt tay làm việc năm Kỷ-dậu, 1789 : Le Brun họa kiểu và Oliviet xây - đắp lại thành Sài-gòn cùng các nơi trọng-yếu khác như Vĩnh long, Hà-tiên, Châu-đốc Biên-hòa, Bà-rịa theo lối *Vauban* rất kiên-cố. Sau vua lại sai Olivier xây đắp luôn cả thành Diên-Khánh nữa, rồi đến tháng 11 năm Quý-sửu (1793), sai Đông cung Cảnh cùng đức thày Bá-đa Lộc và Phạm văn-Nhân ra trấn thủ.

Olivier lại còn tổ chức được một cơ binh 600 người theo chiến pháp Âu-châu và có thêm 4 cỗ súng khóa sơn đặt trên lưng ngựa làm cho quân Tây-sơn thất đảm kinh hồn đến nỗi phải treo giải thưởng một vạn quan tiền và một nén vàng cho kẻ nào lấy được đầu Olivier là ông Tín.

Tháng 3 năm nhâm thân, 1792, J M. Dayot và Vannier cùng với bọn Lê Văn Duyệt và Nguyễn văn Trương đem thủy quân ra đánh phá quân Tây-sơn ở Thi nai sau khi đốt phá thủy-trại của quân địch rồi lại thẳng buồm về Gia-Định.

J. M. Dayot có một lần, làm chúa tàu «*Donnài*» không may tàu bị gió bão bạt vào bãi bể ; các quan ta tha hồ lên tiếng gièm pha và khép tội. Dẫu lúc đó Dayot không có mặt ở tàu mình, nhưng rồi chung quy J. M. Dayot cũng bị «*gông cổ*» J. M. Dayot phẫn uất đến cực điểm, nhất định bỏ đi ; đức thày Bá-Đa-Lộc hết sức can ngăn cũng không thể được.

Các quan người Pháp bấy giờ ai ai cũng phò tá vua Nguyễn đắc lực cả, song từ đức thày cho tới các người khác đều bị các quan ta ghen ghét gièm pha mà lương bổng thì cũng không được túc dụng cho lắm. Lương bổng bấy giờ chỉ phát bằng tiền đồng hay tiền kẽm chứ bạc thì không có.

Dù sao mặc lòng, vua Nguyễn từ khi được sức giúp-đỡ của đức thày Bá-Đa-Lộc và mấy chục người nước Pháp như thế, thì thắng Tây-sơn hẳn là sự đã cầm chắc rồi. Có điều đáng tiếc là trong khi được tiếp-xúc một cái cơ-hội hoàn-cảnh tốt đẹp như thế, mà ngài không để ý đến lực-lượng, học thuật và văn-hóa nước Đại-Pháp để lợi dụng, dựa vào mà cải-cách cho nước ta và dân ta được nhờ ngay từ hồi ấy. Đọc đến đoạn lịch-sử này, không ai khỏi lấy làm ngẩn-ngơ và tiếc vậy.

Tiếc hơn nữa là đến ngày 11 tháng 9 năm kỷ-mùi nhằm ngày 9 Octobre 1799, đức thày Bá-Đa-Lộc đi tòng-chinh rồi mệnh-một ở Mỹ-cang (giữa đường từ Thi-nại đến Qui-nhơn), rồi kế đến năm

Tân-dậu (1801) Đông-cung Cảnh cũng ốn đậu rồi mất ở Gia-định !

Sau trận toàn thắng của vua Nguyễn ở cửa Thi-nại ngày 19 tháng giêng năm tân-dậu nhằm 24 Février 1801, thì đến ngày mồng 3 tháng 5 (Juin 1801) đức vua đã khắc-phục Phú-xuân.

Sang đến năm sau, ngày mồng 2 tháng 5 năm nhâm-tuất nhằm ngày 1er juin *1802, ngài lên ngôi Hoàng-đế*, đặt niên-hiệu là **GIA-LONG**, quốc-hiệu là **VIỆT-NAM**. Cách đó 20 ngày, ngài ngự giá ra bình-định Bắc-hà, ngày tháng 6 năm ấy nhằm ngày 22 Juillet 1802 hạ thành Thăng-long, đổi tên Bắc-hà làm Bắc-thành, rồi Thánh-giá hồi loan về Huế.

Thế là Nam-Bắc nhất-thống từ đây.

Lúc này những cựu-thần người Pháp còn lại ở Huế chỉ có Chaigneau và Vannier, ngoài mấy nấm mồ của De Forçant và Barisy.

Chaigneau và Vannier đều kết duyên với con gái Phú-xuân và đã có đông con. Song sau khi đức Gia Long thăng hà, đức Minh-Mệnh lên nối ngôi, thì những mối cảm-tình xưa nay đã phai lạt nhiều, và trong nước gặp lúc thái-bình thịnh-trị, tất nhiên không còn « cần » gì đến các việc võ bị nữa. Hai chiếc chiến thuyền « Long-phi » và « Phụng-phi » kia chẳng dùng đến nữa, nên cũng bỏ liều ; hai chúa tàu « Long » là Chaigneau và tàu « Phụng » là Vannier cũng bị bạc-đãi cho đến ngày 16 tháng 8 năm Minh-Mạng thứ 5, nhằm ngày 8 Octobre 1824 vua Thánh-Tổ xuống chiếu cho Nguyễn văn-Thắng là J. B. Chaigneau và Nguyễn văn-Chấn là Philippe Vannier tri-sĩ về Pháp.

Hai người chán nản buồn-rầu đưa gia-quyến vô Đà-nẵng đợi từ 17 Novembre cho đến 11 Décembre mới gặp ghe bầu « quá giang » vô đất Gia-định để đón tàu về cố-quốc.

NGUYỄN TRIỆU

HẾT

---

1) Ba-Thắc ở vào miền Bãi-xàu gần Soctrang Nam-kỳ

2) Mân-Thít ở gần Vũng-Liêm hạt vĩnh-Long Nam-kỳ

3) Mộ Chu văn-Tiếp trước ở làng An Hội, sau lại di táng về Hắc-Lăng ở hạt Baria Nam-kỳ và có lập miếu thờ, mộ và lăng nay hãy còn.

4) Côn-cốt là một đảo lớn trong vụng Xiêm ở miền duyên-hải nước Xiêm, trong địa-đồ viết là Kos-kut trên đảo Kos-kong.

5) Sách này là của bạn thân Long-điền Nguyễn văn-Minh cho mượn, vậy xin có lời trân trọng cảm tạ bạn.

6) Mộ đức cha Liot nay cũng còn và ở ngay canh lăng cha-Cả là mộ đức thầy Bá-đa-Lộc ở gần Saigon.

7) Thực lục chép Hoàng tử Cảnh sinh vào tháng 3 năm Canh-tý, theo sách cố Launay thì là Avril 1779 và Ch. B Maybon thì chép là Mars hay Avril 1780.

8) Bức thơ này hiện còn giữ tại bộ Ngoại-giao bên nước Pháp.

9) Nhà Họa-sĩ thời bấy giờ là Mauperin có vẽ hai bức truyền-thần Hoàng tử Cảnh và Đức thầy Bá đa Lộc, hiện nay còn cả ở thư-viện của Hội Société de Géographie de Paris.

10) Cũng có nơi chép là chỉ vì Đức Thầy làm mất lòng tình-nhân của Conway, nên vì đó mà Conway làm lỡ một việc to tát như vậy.

11)	*Xem*	*Tri-Tân*	*số 23*	*trang*	11
12)	»	»	» 16	»	12-13
13)	»	»	» 19	»	-15
14)	»	»	» 21	»	14
15)	»	»	» 21	»	14
16)	»	»	» 21	»	14
17)	»	»	» 21	»	14
18)	»	»	» 22	»	19
19)	»	»	» 24	»	14
20)	»	»	» 13	»	12-13
			và số 14	trang	9
21)	»	»	» 19	»	16
22)	»	»	» 21	»	14

Ô mai **Tiến Lợi** *ngon lành*
Và lơ **Tiến Lợi** *nổi danh ở đời*
Bốn trăm linh bảy Bạh-mai. Hỏi thăm cho đến tận nơi mua dùng

Đính chính

Trong bài « *Phiên dịch cũng là một cách đào luyện văn-chương* », đăng T. T. số 49, có in lầm nhiều chỗ, nay xin đính-chính lại :

Trang 5, cột 1 — dịch Hán văn sâu xuất, xin chữa lại :... siêu xuất

Trang 5, cột 2 — bạn Trúc Hà, xin chữa lại: ông Trúc Hà.

Trang 5 cột 3.— bạn Trúc Hà, xin chữa lại: ông Trúc Hà.

Tráng 6, cột 2.— từ trung cổ đến tận kim thời đại, xin chữa lại :... cận kim thời đại

Trang 6, cột 2 — Uy Lạp, xin chữa lại ; Hy Lạp .— thuyết tồn nghi, xin chữa lại ; thuyết tồn nghi. — thuyết chánh tri tạm quyền, xin chữa lại : thuyết chánh trị tạm quyền .— thuyết thiên diễn của Carwin, xin chữa lại ..Darwin. — học hỏi về hôi một thuyết lợi lạc, xin chữa lại : học hỏi về nội một thuyết... .— thuyết triết học điều hòa của Hant, xin chữa lại :... của Kant .— thum khảo, xin chữa lại : tham khảo .— Lợi học chánh tây, xin chữa lại : Lợi học chánh tông .— Hà lễ thi dịch, xin chữa lại : Hà lễ Chi dịch.

Trang 6, cột 3.— Sơn biến tri xuân dịch, xin chữa lại : Sơn biên Tri xuân.— Bên sơn đẳng thứ lang, xin chữa lại ; Bân sơn đẳng thứ lang .—Từng môn loại loài nguyên văn, xin chữa lại : bài nguyên văn

Trang 7, cột 2.— những cái khó rất kỳ thu, xin chữa lại : rất kỳ khu .— những cái khuôn của phép hành văn, xin chữa lại : những cái khuôn cùm của phép hành văn.

Rao vặt

Cần mua 9 số Nam-Phong cũ : 2, 3, 5, 8, 9, 10, 13, 14, 18.

Bạn nào có số nào xin cứ làm ơn để lại cho số ấy. Chúng tôi sẽ đáp lại bằng tiền hoặc bằng sách báo mới : xin tùy ý bạn muốn.

Hỏi tại tòa báo Tri-Tân.

Chuyện thơ

« Thì khuyên cháu hằng gượm nghe ai... »

Vào quãng cuối thế-kỷ trước, Hán-học còn đang thịnh, thơ nôm tuy không có báo chí đăng tải như ngày nay, song không phải là ít người để ý đến, mà trái lại, thơ nôm bấy giờ được nhờ ở Hán-học, sản-xuất được nhiều bài kiệt tác.

Ở một làng kia có một ông khóa vào bậc hay chữ, tên là Giá. Ông khóa có một cô cháu gái, tên là Gành, cũng vào bậc giai nhân trong vùng ấy

Thời bấy giờ các ông đồ ngấp-nghé món nào thường hay làm thơ gửi cho ý trung nhân. Cô Gành cũng đã nhận được nhiều thơ, mà mỗi lần cô nhận được bài thơ nào thì lại chuyền đưa cho ông cậu, tức là ông khoa Giá, xem, để nếu nên giá nhời thì nhờ cậu họa thơ hộ. Ma mỗi lần cô có thơ đưa cho ông khoa xem thì cô đều không quên sửa rượu để cậu sơi cho nầy tứ.

Một lần, cô ông khóa Tư đưa cô một bài thơ, bài này tôi chưa chép được. Bài thơ đó được ông khóa Giá đáp lại như sau này :

Xưa nay băng tuyết vốn nhà dòng,
Vì sợi tơ tình hóa chửa xong.
Những cậy dì Giăng cùng chị Gió,
Sá gì cái kiến với con ong.
Nhìn qua tướng ấy sao không hỗ ?
Lấy được quân này cũng phải long!
Cậu khóa Tư tình chi bận bựu,
Âu đành chờ đợi đứng Thiên-công.

Sau đó ít lâu, cô Gành đi lấy chồng. Khóa Tư liền làm bài thơ sau này đưa lại cho khóa Giá, gọi là đáp lễ bài thơ trên :

Ả Gành từ gặp hội duyên hài,
Cái cuộc chàng Lưu gác nậm nai :
Ngán nỗi cóc bò rình miệng chén,
Buồn tình dện kéo bả lưng chai !
Lấy gì bầu-bạn khi khuya sớm,
Mà khéo nôm-na chực mỉa-mai !
Giá biết không mồi câu khó dử,
Thì khuyên cháu hằng gượm nghe ai !

Khóa Giá xem xong bài thơ, vác gậy lại nhà khóa Tư : hai khóa choáng nhau !

Nghe xong chuyện này, tôi bất giác phải ô-hô ma than bằng hai câu nhái lại vần thơ tuyệt-diệu của Thượng Trú :

Gớm nhỉ, bút nghiên mà gậy-gộc !
Thương ôi, thơ-thần cũng phong-trần !

KHÓA HÓC

Nói thêm về bài thơ « Phỗng Đá ».

Vừa đây, tôi được một bạn làng văn nhân đọc mấy bài bàn về thơ « Phỗng Đá » trong Tri-Tân, có cho hay rằng, theo chỗ ông biết, câu tứ trong bài thơ của cụ Yên-Đỗ như sau này mới đúng :

« Bề cạn, non mòn, có biết không ? »

Thấy nhời nói có lý, vậy xin chép lại bài thơ « Phỗng Đá » ra đây :

« Ông đứng làm chi đấy, hỡi ông?
Trơ trơ như đá, vững như đồng!
Đêm ngày coi-sóc cho ai đó?
Bề cạn, non mòn, có biết không? »

để xin thất-chính cùng các bậc cao-minh thấy rộng, nghe nhiều hơn.

N. P

Đợi Gió

Gởi Anh-Thơ,
Mấy vần thơ đợi gió.
Lòng xuân thắm đỏ,
Lòng thuyền nho-nhỏ,
Đợi nước triều lên...
Triều đã lên rồi, trăng cũng lên ;
Trăng lên rồi đó. Gió chưa lên !

Hà-Tiên, MỘNG-TUYẾT

Mặt nước hồ nằm say giấc mơ,
Lòng gương không vướng gợn mây mờ,
Khói chiều đứng thẳng trên quan tái,
Hương tỏa hồn hoa ướp cỏ bờ.
Cánh gấm buồm ai buông trắng tinh
Phơi nền trinh-bạch giữa trời xanh,
Cầm sào bến cũ buồn lơ-lửng
Chở mộng muôn phương, mộng viễn trình.
Trời Bắc bên kia đương ngóng trong
Sông Thương, sông Nhuệ mở đôi lòng.
Xuôi chèo Nhâm-tuất theo trang lạnh ;
Mở yến Đào-viên chuốc chén nồng.
Gió gác Đằng-vương chẳng thổi đưa
Cho thuyền đợi gió. Đèn bao giờ
Cho buồm Vương Bột trong giây phút
Nghìn dặm bay sang bên cợi chơ.
Khi xuân thắm đượm khắp nơi nơi,
Vạn-vật đem xuân trả lại Đời
Mà chẳng trả cho thuyền tì gió
Để thuyền thương nhớ những phương trời

MỘNG-TUYẾT

Một lối thử tài học-trò nho xưa

MỘT LÃO ĐỒ ĐIÊN

của CHU-THIỆN

MỘT hôm, vào giữa mùa thu êm-mát, buổi học sớm sắp tan, học trò sắp-sửa về, còn ráng ở lại nghe nhời chỉ-dẫn của ông đồ về một bài phú. Chợt ở đâu đưa đến một người đàn ông đã nhiều tuổi, đầu quấn khăn *tam giang* đã bạc màu, mình mặc cái áo vải giãi đã sờn rách và chiếc quần nâu bạc, chân đi đôi dép da loẹp-quẹp, tay khoác cái non sơn đã long-lở, phe-phẩy đi vào, trông có vẻ ngang-tang lắm, không có dáng-điệu người đi ăn xin, mà cũng không ra vẻ khách-khứa làng nho cho lắm. Người ấy sồng-sộc vào nhà. Học trò không hiểu thế nào, còn mải ngạc-nhiên chưa kịp chào; ông đồ cũng lấy làm lạ. Người ấy đã nghiễm-nhiên ngất ngưởng ngồi trên trường-kỷ, không chào hỏi ai, rung đùi ngâm một câu :

— *Giáo-huấn chính tục, vô lễ bất bị* (1).

Ông đồ tức tím mặt lại, các học trò sợ hãi, khép-nép, kẻ đứng dậy đi têm giầu, kẻ đi lấy điếu, đốt đèn mang lên ; người đi rót nước bưng đến, mời chào rất cung kính. Người lạ mỉm cười lại nói :

— Cung nhi vô lễ tắc lao ! (2)

Ông đồ từ nẫy đến giờ ngồi im, lúc này mới nói :

— Nhập gia bất vấn tắc mạn. Ký vi nho-giả, hồ bất tri Thánh-nhân nhập Thái-miếu mỗi sự vấn ? (3)

Một sự im-lặng nặng-nề. Ông đồ chăm-chăm nhìn người khách lạ. Người này vẫn tươi cười hớn-hở trông ra ngoài sân. Các học-trò ngơ-ngác hãi-hùng chờ cuộc đấu khẩu gay-go giữa ông đồ và người khách. Có tiếng thì-thầm :

— Này mày ! Hay là lão đồ điên Nam-Thượng đấy ?

— Không, giọng lơ-lớ, có lẽ đồ Nghệ !

— Không phải, đồ bể đấy. Năm ngoái ông ta đã vào trường cụ Tú Hai bên Nguyệt-Điện.

Rồi lại im ngay. Hai trò đều quay nhìn dồn cả về ông đồ và ông khách. Ông khách chợt tươi cười quay mặt lại, hỏi ông đồ :

— Thưa thày, thế nào là *tiên học lễ, hậu học văn ?*

Ông đồ hỏi lại :

— Thưa ông, thế nào là *đáo giang tùy khúc, nhập gia tùy tục ?* (4)

Ông khách không giả nhời, hỏi lại :

— Vậy thày đây dạy trẻ những gì ?

— Thưa ông, tôi dạy học, dạy làm văn, làm bài, làm thơ, làm phú, dạy học trò sắp-sửa đi thi.

Ông khách vẫn tươi cười nói :

— Tốt lắm. Thày dạy chu đáo lắm. Nhưng có điều cần nhất, thày quên.

Thấy khách nói hòa nhã từ-tốn, ông đồ bèn dịu nhời nhận lỗi :

— Bẩm cụ, cụ đến đột-ngột quá vào giữa lúc học trò dộn dịp sắp ra về, nên mới có điều sơ-suất vậy. Vả, lúc này học trò đang bận tập bài văn để đầu tháng này xuống thi ở nha quan Huấn.

— Được lắm ! Ra các cậu học trò đây đều sắp sửa đi thi nay mai kia đấy ?

— Bẩm cụ, nhà cháu dạy đủ lề-lối văn chương rồi, chỉ còn luyện tập tinh vi đến sang năm đi hạch, rồi xuống tập quan Huấn hay vào tập quan nghè Phạn-xá ít lâu để kịp khoa thi *Mão* sắp tới.

Ông đồ tươi cười nói với một vẻ thỏa thích. Nhưng ông khách hơi cau mày hỏi :

— Thưa thày, như thế, các cậu học đã giỏi lắm nhỉ ?

— Bẩm cụ, chửa lấy gì làm giỏi,

Sách khảo cứu

Truyện đức Khổng-tử.— Thuật trọn đời hy-sanh và tận tụy về phong-hóa, đạo-nghĩa của đức thánh Khổng. Ngài là một mảnh gương học hỏi, cường quyết, thanh bạch.
Trọn bộ 1 quyển : 1p.00

Mấy thầy tu huyền bí.— Ở Tây-tạng và Mông-cổ. Biên những cách luyện đạo của các nhà tu trì nơi non cao đồng vắng, những phép huyền linh cúc hạng người thẳng phục thân tâm.
Trọn bộ 1 quyển : 1p.10

Gửi mandat thêm cước phí 0p.55

M. Đoàn-Trung

143 RUE LOUVAIN SAIGON

nhưng cũng đủ sức làm bài. Bẩm cụ, bài của các trẻ đây.

Ông đồ lại đưa các vở bài ra cho khách xem. Khách thong-thả mở qua các giòng giấy. Ông đồ hỏi :

— Bẩm cụ, quy quán ở đâu ta ?

— Ấy tôi đi qua, thấy đây có trường học, ghé vào chơi hầu thày. Thày cho phép tôi hỏi các cậu ấy mấy câu ?

— Bẩm vâng, xin rước cụ chỉ giáo...

Ông khách quay lại học trò :

— Lão thấy nói các cậu sắp đi thi, lão kính phục lắm, nên lão muốn cùng các cậu đàm luận một lúc cho vui. Lão bây giờ già rồi, không còn được may-mắn như các cậu đi học, đi thi nữa, lão tiếc quá. Các cậu đối hộ câu này nhé, lão nhai dập bã giầu này là phải xong vì lão vội lắm.

Các học trò lấm-lét nhìn nhau, rồi đều nói :

— Bẩm cụ, vâng ạ !

Ông khách ra :

— *Cây xương* rồng, giồng *đất* rắn long *lại hoàn* long (*chữ long nghĩa là rồng*).

Các học trò im lặng ngồi nghĩ, mặt anh nào cũng đực ra. Ông khách bỏm-bẻm nhai giầu, đã tàn miếng giầu, thè ra môi, giơ hai đầu ngón tay, cầm lấy bã ném tọt ra sân rồi giục :

— Thế nào, xong chưa, các cậu ?

Chỉ có mình Tâm đứng dạy thưa :

— Bẩm cụ, con xin đối ạ :

Quả dưa chuột, truột mồm *mèo, thử* gì mà *thử* ? (chữ *thử* là chuột)

Ông cụ lắc đầu :

— Hơi được, nhưng không chỉnh mà lại sược. Á, thảo nào ! Bé mà hay chữ tất dễ khinh mạn. Còn các cậu kia. Không đối à ? Thôi quá hạn rồi. Các cậu làm giúp tôi bài thơ này : « *Chỉ tiền nhi mưu đại* » lấy vần *mưu*, các cậu có biết chữ đâu không ?

Học trò ngơ-ngác nghĩ không ra.

Ông đồ phải bảo :

— Chữ kinh *Dịch*, thiên *Hệ-từ hạ*, câu đức Thánh nói « *Đức bạc nhi vị tôn, chỉ tiểu nhi mưu đại, lực tiểu nhi nhậm trọng, t ền bất cập hĩ* » (1), học rồi mà đã quên :

Ông khách chữa :

— Ấy vì kinh *Dịch* chúc-chắc khó nhớ.

Học trò ngồi nghĩ mãi, lại gặp vần *mưu* rất khó gieo, nên viết đi xóa lại mãi không thành. Mãi quá trưa, mới được mấy bài đưa lên, ông khách xem qua rồi quẳng giả, không chấm, ông lại bảo :

— Hãng đề bài thơ đấy, các cậu làm giúp tôi bài phú này nhé : «*Giột từ nóc giột xuống,* » dĩ đề tự vi vận.

Thật là bài phú oái-oăm và mai-mỉa. Ông đồ tức lắm. Từ câu đối đến bài thơ, bài phú, đều một giọng khuyên răn khinh - miệt. Nhưng biết làm thế nào ! Chả nhẽ ông đi làm hộ học trò à ! Ông đành ngồi mà xem cái lão giời đánh nó hạch sách thế nào. Cả ông đồ và học trò mải tức tối khó chịu quên cả ăn uống và mời khách. Bỗng ông kia đứng dậy chào ông đồ rồi đi ra. Họ cố giữ thế nào, ông cũng không ở. Ra đến sân, ông nghêu-ngao đọc :

— *Học kinh bất minh bất như quy canh* (6)

Người khách đi khỏi rồi, ông đồ mới trút cơn tức bực ra, mắng học trò tàn-tệ, sau cùng ông dịu giọng lại nói vuốt hậu :

— Nhưng với cái thằng điên ấy không kể làm gì. Nó chỉ đi tìm những vần, những chữ khốn khổ để thử người ta Đem *tử vận* mà hỏi, thì đến *bố nó* cũng không làm nổi !

Nói vậy chứ ông đồ cũng không biết người khách lạ kia tung tích thế nào, quê quán ở đâu. Mà cả vùng ấy, học trò đã đi dò hỏi khắp cũng không biết hành tung con người bí-mật kia ra sao.

CHU-THIÊN

(Trích trong cuốn *Bút Nghiên*)

---

1) Dạy bảo sửa đổi phong tục, không có lễ không đủ (chữ sách Lễ-ký).

2) Cung kính mà không lễ thì phiền (chữ sách Luận-ngữ, tiên Thái-Bá)

3) Vào nhà không hỏi là khinh-nhờn. Đã là nhà nho, sao không biết đức Thánh-nhân vào nhà Thái-miếu mỗi việc đều hỏi. (Thánh nhân là Khổng-tử, vào nhà Thái-miếu việc gì cũng hỏi trước để tỏ ra kính cẩn).

4. Đến sông theo khúc, vào nhà theo thói (tục-ngữ).

5 Đức mỏng mà ở ngôi cao, chỉ nhỏ mà mưu việc nhớn, sức nhỏ mà gánh việc nặng, ít khi thành được.

6. Học kinh sách mà không rõ thì không bằng quay về đi cày.

SẮP IN XONG

CHỬ NHO HỌC LẢY

Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn

ĐÔNG-TÂY thư quán, 196 hàng Bông Hanoi xuất bản

Trúc mai xum-họp...

(*tục Thoát cung vua Mạc*)

Để tiếp với truyện « Thoát cung vua Mạc » đã đăng trước, Tri Tân sẽ lần lượt hiến các bạn thân-yêu một thiên tiểu-thuyết dài của Chu-Thiên, có tính-cách lịch-sử rất lý-kỳ, rất biến-ảo, rất lý-thú, trong ấy các nhân vật ở T. C. V. M. sẽ đoàn - viên xum - họp bởi những trường - hợp đột - ngột vượt ngoài tri tưởng-tượng của người đọc.

Các bạn đón coi từ một số tớ

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

Đã phát hành

THI-THỌAI

Một kho tài-liệu vô giá của các nhà thơ, các nhà yêu thơ, các học-giả nghiên-cứu thi-học, văn-học

Giấy non 300 trang giá 2p00
Giấy bouffant và giấy lệnh thượng hạng
mỗi thứ còn hai bộ giá 4p00

Thư và ngân phiếu đề

M. LÊ VĂN-HÒE giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ, *16bis Tiên Tsin* **HANOI**

SÁCH CỦA NHẬT-NHAM

Trịnh - Như - Tấu :

1 — Hưng yên địa chí 0p.80
2 — Bắc giang địa chí 1 50
3 — Trịnh gia chính phả 0.40

Đều có bán tại Đông Tây thư quán
195 Phố Hàng Bông — Hanoi

Các bạn cầu may !

bỏ 1 đồng mua vé số

Đông - Pháp

biết đâu không trúng số độc đắc 10 vạn

CHÚ Ý

Các bạn mua báo và các đại-lý nhớ gửi tiền về trả cho, đa tạ. *Trí - Tân*

Mới xuất bản :

DANH NHÂN VIỆT - NAM

của PHAN TRẦN-CHÚC

Trong tủ sách Tao Đàn

Nhà TÂN-DÂN xuất bản

Toàn bộ 4 quyển, mới ra quyển 1
Mỗi quyển bản thường : 0$70
Bản đặc biệt giấy lụa dó : 4$00

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước mỗi quyển là 0p,30. Không gửi lĩnh hóa giao ngân. Mandat đề tên ông VŨ ĐÌNH-LONG 93, Rue du Coton — Hanoi

Đã có bán

Bút Nghiên

của

CHU-THIÊN

Tất cả mọi khung cảnh của trường học cổ, mọi phong tục, mọi hoài-vọng của xã hội nhà nho, với những biến-cải ở tâm trạng người xưa trong đời đi học, từ khi « vỡ lòng » đến khi đỗ đạt, qua các kỳ thi Hạch, thi Hương, thi Hội, thi Đình, đều được ghi chép lại rất công-phu, rất cặn kẽ, rất tỉ-mỉ và rất lý-thú, để đánh dấu lấy một thời đại long trọng của ngày xưa mà nay không bao giờ còn có nữa.

Dày 400 trang, giá 2$00

Mua một quyển gửi tiền về trước. thêm 0p.60 tiền cước.

HÀN THUYÊN XUẤT BẢN CỤC
71 phố Tiên Tsin Hanoi

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tự-Quán
Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi